

Telephones

電話

Telephoning from your home

Most Albertans have telephones in their home. You rent telephone services from the telephone company. This costs about \$10 or \$20 a month. You do not pay for local calls. Every month, the telephone company sends you a bill for these services.

Telephoning a place outside your area

Telephoning a place outside your area is called telephoning long distance. The *white pages* of the telephone book gives information about telephoning long distance.

1. Area Code
2. Telephone Number

1
2
└───┘
└───┘
 1-(716) 123-4567

When you telephone long distance, you pay for every minute you talk. How much you pay per minute depends on where you are telephoning. For example, in 1984, you could telephone another country for about \$3 a minute. You could telephone another city in Alberta for less than \$1 a minute. It costs less to telephone at night or on Sundays.

If you do not know the telephone number of the person you want to call, you can ask the long distance operator.

Dial 1-(area code if outside Alberta)-555-1212.

家中電話

亞省大多數家庭都有電話。電話服務是由電話公司提供，每月費用大約十元或二十元，打本地範圍以內的電話不需要再付錢，電話公司每月給你發出一張賬單。

長途電話

打電話給本地範圍以外的地方，稱為打長途 (long distance) 電話簿的白頁部份有打長途電話的說明。

1. 地區號碼
2. 電話號碼

打長途電話的費用，是按交談的時間長短而定。每分鐘的收費是要看對方在何處而定：例如，在1984年，你打電話去另一個國家，大約每分鐘三元。打給亞省的另一個城鎮，每分鐘不超過一元。在夜晚或星期天打長途電話較為便宜。

如果你不知道對方的電話號碼，你可以向長途接線員查詢。撥 1 - (亞省以外要撥地區號碼) - 555 - 1212。

Telefony

Telefonowanie z własnego telefonu

Większość obywateli Alberty ma telefon w swym domu. Usługi telefoniczne wynajmuje się od urzędu telefonicznego. Opłata za telefon wynosi około \$10 do \$20 miesięcznie. Nie płaci się oddzielnie za rozmowy miejscowe. Każdego miesiąca urząd telefoniczny wysyła rachunek za te usługi.

Telefonowanie do miejsc poza twym obwodem

Telefonowanie do miejsc poza twym obwodem zwane jest telefonowaniem międzymiastowym. Książka telefoniczna *white pages* podaje informacje, jak uzyskać połączenie międzymiastowe.

1. numer obwodu
2. numer telefonu

Kiedy przeprowadzasz rozmowę międzymiastową, opłacasz każdą minutę twojej rozmowy. Wysokość opłat za minutę zależy od tego, dokąd telefonujesz. W roku 1984, na przykład, jedna minuta rozmowy z innym krajem kosztowała około 3 dolary. Koszt rozmowy z innym miastem w Albercie wynosił poniżej jednego dolara. Taniej jest telefonować nocą i w niedzielę.

Jeżeli nie znasz numeru telefonu osoby, do której chcesz telefonować, możesz zapytać operatora międzymiastowego.

Wykręć 1-(i tu numer obwodu, jeżeli poza Albertą)-555-1212.

Teléfonos

El teléfono en casa

La mayoría de los albertanos tiene teléfono en su casa. Usted solicita un servicio telefónico a la compañía de teléfonos. Eso cuesta entre 10 y 20 dólares por mes. No se paga por las llamadas locales. Cada mes, la compañía de teléfonos le envía a usted una cuenta por estos servicios.

Cómo llamar a un lugar fuera de su área

Hacer una llamada a un lugar que está fuera de su área es hacer una llamada a larga distancia (long distance call, en inglés). En las *páginas blancas* de la guía telefónica se encuentra la información relacionada con las llamadas a larga distancia.

1. Código del área
2. Número telefónico

Cuando usted hace una llamada a larga distancia, paga por cada minuto que habla. Cuánto se paga por minuto depende del lugar al que usted llama. Por ejemplo, en 1984, se podía llamar a otro país y pagar unos 3 dólares por minuto. Se podía telefonar a otra ciudad de Alberta por menos de 1 dólar por minuto. Cuesta menos llamar por la noche o los domingos.

Si usted no conoce el número de teléfono de la persona que quiere llamar, puede preguntárselo al operador de larga distancia.

Marque 1-(código del área si es fuera de Alberta)-555-1212.

Điện Thoại

Gọi điện thoại từ nhà

Đa số dân Alberta đều có điện thoại tại nhà. Bạn thuê dịch vụ điện thoại từ Công ty điện thoại. Mỗi tháng tốn khoảng 10 hay 20 dollars. Gọi trong địa phương, bạn khỏi trả tiền. Hàng tháng, công ty điện thoại gửi hóa đơn để bạn trả tiền.

Gọi điện thoại đến một nơi ngoài vùng bạn ở

Gọi điện thoại đến một nơi ngoài vùng bạn ở được gọi là gọi điện thoại viễn liên. Những trang màu trắng trong niên giám điện thoại sẽ cho bạn rõ điều cần biết để gọi nơi xa.

1. Số vùng
2. Số điện thoại

Khi bạn gọi viễn liên, mỗi phút nói bạn phải trả tiền. Số tiền bạn phải trả cho mỗi phút là bao nhiêu tùy thuộc vào nơi bạn gọi đến. Ví dụ, năm 1984, bạn có thể gọi sang một nước khác cứ mỗi phút là 3 dollars. Bạn có thể gọi một thành phố khác tại Alberta mỗi phút chưa tới 1 dollar. Gọi điện thoại về đêm hay vào các ngày Chúa Nhật ít tốn hơn.

Nếu bạn không biết số điện thoại của người bạn gọi, bạn có thể hỏi điện thoại viên viễn liên.

Quay số 1-(Số vùng ngoài Alberta)-555-1212

Telephones

電話

Telephoning a place outside your area

There are two ways to make a long distance call. You can...

dial direct

make an operator-assisted call

If you are dialing direct, you make the call without the operator's help. You dial 1, the area code, then the number.

If you are telephoning somewhere in Alberta, you do not need to dial the area code. Just dial 1 and the number.

When you make an operator-assisted call, the operator makes the call for you. Dial 0. When the operator answers, tell what city or country you are telephoning. Then give the telephone number. It costs more to make an operator-assisted call.

When you make an operator-assisted call, you can have the call charged to the person you are telephoning. This is called telephoning collect. Tell the operator you want to make the call collect.

You can also ask to make the call person to person. This means you tell the operator the name of the person you want to talk to. If that person is not home, the operator does not connect you and you do not pay for the call.

長途電話

打長途電話有兩種方式，你可：

直接自撥號碼

接線員代撥號碼

如果是直接撥號碼，你應先撥 1 再撥地區號碼，接着是對方的電話號碼。

如果你打的長途電話是在亞省以內，你不需要撥地區號碼，只要撥 1，再撥對方號碼即可。

如果你需要接線員的協助，先撥 0，等接線員回答，說明你要接通的都市或國家，然後說明對方的電話號碼。

由接線員代撥的長途電話，費用較貴。

當你打長途電話用接線員代撥時，你可以要求由對方付費。這稱向受話者收費

(telephoning collect) 你得告訴接線員長途電話費用是由受話者支付。

你也可以指明受話人受話後才收費 **(Person to Person call)**。告訴接線員你想要和對方甚麼人講話。如果那個人不在，接線員就不給你接通，你也不必付費。

Telefony

Telefonowanie do miejsc poza twym obwodem

Połączenie międzymiastowe możesz uzyskać dwoma sposobami. Możesz:

uzyskać połączenie bezpośrednio wykrecając odpowiednie numery

zostać połączonym przez operatora.

Jeżeli sam wykrecaasz numer, dzwonisz bez pomocy operatora. Wykrecaasz kolejno numer 1, numer obwodu terenowego i numer telefonu.

Jeżeli telefonujesz dokądkolwiek w Albercie, nie wykrecaasz numeru obwodu. Wykrecaasz tylko 1 i numer telefonu.

Gdy telefonujesz przy pomocy operatora, operator uzyskuje dla ciebie połączenie. Wykreć zero (0), a gdy operator się zgłosi, powiedz z jakim miastem lub państwem chciałbyś się połączyć i podaj numer telefonu. Telefonowanie przy pomocy operatora jest droższe.

Gdy telefonujesz przy pomocy operatora, możesz obciążyć opłatą osobę, do której telefonujesz. Rozmowa taka nazywa się collect call. Powiedz operatorowi, że chciałbyś uzyskać połączenie collect.

Możesz również otrzymać połączenie z przywołaniem. Znaczy to, że podajesz operatorowi nazwisko osoby, z którą chciałbyś rozmawiać. Jeżeli nie zastaniesz tej osoby, operator cię nie połączy i nie płacisz za ten telefon. Jest to zwane połączeniem person to person.

Teléfonos

Cómo llamar a un lugar fuera de su área

Hay dos maneras de hacer una llamada a larga distancia. Se puede:

marcar directamente

llamar a través del operador

Si usted marca directamente, usted hace la llamada sin la ayuda del operador. Hay que marcar 1, luego el código del área, y después el número.

Si usted llama a algún lugar que está en Alberta, no es necesario marcar el código del área. Solamente se marca 1 y el número.

Cuando usted llama a través del operador, el operador hace la llamada por usted. Marque 0. Cuando el operador contesta, dígame la ciudad o el país donde quiere llamar. Dígame después el número de teléfono. Llamar a través de un operador es más caro.

Cuando usted llama con la ayuda de un operador, puede hacer cargar la llamada a la cuenta de la persona a la que usted llama. Esto se llama "collect". Diga al operador que usted quiere una llamada "collect".

También usted puede pedir al operador hacer una llamada persona-a-persona (person to person, en inglés). Eso quiere decir que usted da al operador el nombre de la persona con la cual quiere hablar. Si esa persona no está en casa, el operador no lo comunica y usted no paga por esa llamada.

Điện Thoại

Gọi điện thoại đến một nơi ngoài vùng bạn ở

Có hai cách để gọi điện thoại viễn liên. Bạn có thể . . .

Gọi trực tiếp

Nhờ điện thoại viên giúp để gọi

Nếu bạn gọi trực tiếp, bạn gọi mà không có sự giúp đỡ của điện thoại viên. Bạn quay số 1, tiếp đến số vùng rồi số điện thoại.

Nếu bạn gọi một nơi nào đó trong Alberta, bạn không cần quay số vùng, chỉ quay số 1 rồi đến số điện thoại.

Khi bạn gọi mà nhờ điện thoại viên giúp thì điện thoại viên sẽ gọi giúp cho bạn. Hãy quay số 0. Khi điện thoại viên trả lời, hãy cho họ biết bạn muốn gọi tới thành phố hay nước nào, rồi cho họ biết số điện thoại bạn muốn gọi. Nhờ điện thoại viên giúp để gọi thì tốn tiền nhiều hơn.

Khi bạn nhờ điện thoại viên gọi giúp, tiền gọi có thể tính cho người nhận điện thoại của bạn. Như thế được gọi là điện thoại collect (để người nhận điện thoại trả). Nói với điện thoại viên bạn muốn gọi collect.

Bạn cũng có thể nhờ điện thoại viên gọi để trực tiếp nói chuyện với người bạn muốn liên lạc, có nghĩa là ngoài số điện thoại, bạn còn cho điện thoại viên tên của người bạn muốn nói chuyện. Nếu người đó không có nhà, thì điện thoại viên sẽ không nói đường dây cho bạn và bạn khỏi phải trả tiền gọi.

Telephones

電話

128436911723400000005

AGT ALBERTA GOVERNMENT TELEPHONES

0021781 123 4567 006 7

OCT 01 84 3.77

EDMONTON

A LEE
45, 1012 32 STREET
EDMONTON T6G 1H7

AGT ALBERTA GOVERNMENT TELEPHONES

NO.	DATE	TO	FROM	AREA	CHARGE	TOTAL
2309	09	CALGARY	AB	403 234 5478	10 0712	2.47
2311	11	CALGARY	AB	403 345 6789	3 1848	1.30

TOLL CHARGES 3.77

PAID 3.77 NOW DUE 3.77

* FUND (THREE) BALANCE FORWARD IF PAYMENT HAS BEEN MADE
** SEE REVERSE SIDE FOR INTEREST AND OTHER INFORMATION

Making a long distance call from home

If you are telephoning from home and paying for the call, the long distance company will send you a bill showing how much you must pay.

1. Your name and address
2. Pay this amount
3. Dates
4. Long distance calls you have made
5. Cost of calls

Making a long distance call from a public telephone

If you telephone long distance from a public telephone, you can...

- ask to make the call collect.
- ask to have the call charged to another telephone number. For example, you can ask to have the call charged to your home telephone number. The operator will call your home number to make sure it is okay.
- pay for the call with coins. The operator can tell you how much money you will need for three minutes.

從家裏打長途電話

如果你從家中打由你自己付費的長途電話，電話公司會給你寄上賬單，列明你需要付款的數目。

1. 你的姓名地址。
2. 應付款數。
3. 日期
4. 你打的長途電話。
5. 每次的費用。

用公用電話打長途

如果你用公用電話打長途，你可以選擇下列三種方式之一：

- 要求向受話者收費 (call collect).
- 要求由另外一個電話號碼付賬。譬如，你可以要求把費用記在家中的電話賬上。接線員會先打電話到你家，看看是否有問題。
- 用硬幣付賬。接線員會告訴你通話三分鐘需要放入多少錢幣。

Telefony

Teléfonos

Điện Thoại

Rozmowy zamiejscowe z domu

Jeżeli telefonujesz z domu i płacisz za rozmowy międzymiastowe, urząd telefoniczny przyśle ci rachunek za te rozmowy.

1. Twoje nazwisko i adres
2. Suma do zapłacenia
3. Daty rozmów
4. Numery telefonów zamiejscowych
5. Koszt rozmów

Una llamada a larga distancia desde su casa

Si usted llama desde su casa, y no es una llamada "collect", la compañía de teléfonos de larga distancia le va a mandar una cuenta donde aparece la cantidad que usted debe pagar.

1. Nombre y dirección
2. Cantidad que debe pagar
3. Fechas
4. Llamadas a larga distancia efectuadas
5. Costo de las llamadas

Gọi điện thoại viên liên từ nhà

Nếu bạn gọi điện thoại từ nhà và trả tiền gọi, Công Ty điện thoại viên liên sẽ gọi cho bạn một hóa đơn cho biết bạn phải trả bao nhiêu tiền.

1. Tên và địa chỉ của bạn
2. Hãy trả số tiền này
3. Ngày
4. Lần điện thoại viên liên bạn đã gọi
5. Phí tổn của các lần gọi

Rozmowy zamiejscowe z telefonu publicznego

Jeżeli używasz telefonu publicznego do rozmów międzymiastowych, możesz wtedy:

- poprosić o rozmowę na koszt odbiorcy (collect)
- poprosić o obciążenie innego numeru. Możesz na przykład poprosić, aby obciążono kosztem twój numer domowy. Operator połączy się z twoim domem dla uzyskania zezwolenia na tę operację.
- zapłacić za rozmowę monetami. Operator powie ci, ile pieniędzy potrzebujesz na 3-minutową rozmowę.

Una llamada a larga distancia desde un teléfono público

Si usted llama a larga distancia desde un teléfono público, puede:

- pedir una llamada "collect"
- pedir que cobren la llamada a otro número de teléfono. Por ejemplo, puede pedir que cobren la llamada al número telefónico de su casa. El operador llamará al número de su casa para asegurarse de que no hay problemas.
- pagar la llamada con monedas. El operador puede decirle cuánto dinero necesitará usted para una llamada de tres minutos.

Gọi điện thoại viên liên từ trạm điện thoại công cộng

Nếu bạn gọi viên liên từ một điện thoại công cộng, bạn có thể...

- Xin gọi collect (người nhận điện thoại sẽ trả tiền)
- Yêu cầu tính tiền gọi điện thoại vào một số điện thoại khác. Ví dụ, Bạn có thể yêu cầu tính vào số điện thoại của nhà bạn. Điện thoại viên sẽ gọi số nhà bạn để bảo đảm nhà bạn sẽ trả tiền.
- Hãy trả cho lần gọi bằng tiền cắc. Điện thoại viên có thể nói cho bạn biết bạn cần bao nhiêu tiền cắc để gọi trong ba phút.

GOVERNMENT OF ALBERTA
 FOR ASSISTANCE IN COMPLETING
 CALLS TO OTHER PROVINCIAL
 GOVERNMENT OFFICES CALL YOUR
 LOCAL
 REGIONAL INFORMATION TELEPHONE
 ENQUIRY RITE NUMBER 653-4461

Telephones

Free long distance numbers

There are some long distance numbers you can call for free. These numbers are called toll free or Zenith numbers.

If there are no Alberta Government offices in your city or town, you can use the Regional Information Telephone Enquiry (R.I.T.E.) system to telephone government offices. You can use the system from 8:15 in the morning to 4:30 in the afternoon.

To find the R.I.T.E. number look in the *white pages* under G for Government of Alberta. Find Regional Information Telephone Enquiry. Dial that number. It will connect you to the R.I.T.E. operator. The operator will then connect you to the government office you want to talk to.

If there is no R.I.T.E. operator in your town or village, there will be a Zenith number. This is a number you can use to telephone a R.I.T.E. operator.

電話

免費長途電話號碼

有的長途電話號碼可以免費打。這些號碼稱為免費號碼，或 Zenith 號碼。

如果你的城鎮沒有亞省政府部門，你可以通過地區查詢系統 (R.I.T.E.) 撥通各亞省政府部門，你可以從早上八點一刻到下午四點半使用這個號碼。

欲知地區查詢系統 (R.I.T.E.) 的號碼，查白頁部份 G - Government of Alberta.

找 Regional Information Telephone Enquiry. 撥這個號碼與 R.I.T.E. 的接線員通話，接線員會給你接通所要的政府部門。

如果你的村鎮沒有 R.I.T.E. 接線員，那就會有一個 Zenith 號碼。你可以用這個號碼撥通 R.I.T.E. 的接線員。

Telefony

Teléfonos

Điện Thoại

Bezpłatne połączenia zamiejscowe

Istnieje możliwość bezpłatnego połączenia międzymiastowego, poprzez użycie specjalnych numerów. Numery te nazywane są toll free lub Zenith.

Jeżeli w twoim mieście lub miasteczku nie ma urzędów państwowych, możesz wykorzystać system Regionalnej Informacji Telefonicznej R.I.T.E. do uzyskania bezpłatnego połączenia z urzędami państwowymi. Z tego systemu możesz korzystać od godziny 8:15 rano do 4:30 po południu.

Aby znaleźć numer R.I.T.E., szukaj w książce *white pages* pod literą G: Government of Alberta. Odszukaj Regional Information Telephone Enquiry. Po wykręceniu tego numeru zostaniesz połączony z operatorem R.I.T.E. Operator z kolei połączy cię z biurem rządowym, z którym chcesz rozmawiać.

Jeżeli w twojej miejscowości nie ma operatora R.I.T.E. to będzie tam numer Zenith. Jest to numer, którego możesz użyć, aby połączyć się z operatorem R.I.T.E.

Números de larga distancia gratuitos

Hay algunos números de larga distancia que usted puede llamar gratuitamente. Se llaman números sin cargo (toll free, en inglés) o números Zenith.

Si no hay oficinas del Gobierno de Alberta en su ciudad o pueblo, usted puede usar el sistema de Información Telefónica Regional (Regional Information Telephone Enquiry, abreviado R.I.T.E.) para telefonar a las oficinas del gobierno. Puede usar el sistema desde las ocho y cuarto de la mañana hasta las cuatro y media de la tarde.

Para encontrar ese número de Información (R.I.T.E.) busque en las *páginas blancas* Government of Alberta en la G. Allí busque Regional Information Telephone Enquiry. Marque el número. Eso lo comunicará con el operador del servicio R.I.T.E. El operador lo comunicará con la oficina de gobierno con la cual usted desea hablar.

Si no hay un operador del R.I.T.E. en su pueblo, habrá un número Zenith. Este es un número que usted puede usar para comunicarse con el operador del R.I.T.E.

Goi điện thoại viễn liên miễn phí

Có một vài số điện thoại viễn liên mà bạn có thể gọi miễn phí. Những số này gọi là số miễn phí hoặc số ký hiệu Zenith.

Nếu thành phố hay thị trấn bạn ở không có cơ quan của chính quyền Alberta, bạn có thể sử dụng hệ thống dò hỏi tin tức điện thoại địa phương viết tắt là R.I.T.E. để gọi các cơ quan chính quyền. Bạn có thể sử dụng hệ thống này từ 8 giờ 15 sáng đến 4 giờ 30 chiều.

Muốn tìm hệ thống R.I.T.E., bạn hãy tìm trong phần trang màu trắng của điện thoại niên giám dưới vần G chữ Government of Alberta (Chính quyền tỉnh Alberta), tìm chữ Regional Information Telephone Inquiry. Khi đã tìm được số điện thoại của hệ thống này rồi, hãy quay số bạn vừa tìm thấy, số này sẽ liên lạc với điện thoại viên của hệ thống R.I.T.E. Người này sẽ nối đường dây với cơ quan chính phủ mà bạn cần nói chuyện.

Nếu không có điện thoại viên tổng đài R.I.T.E. ở thị trấn hay làng bạn ở, thì sẽ có số Zenith. Đây là số bạn có thể sử dụng để gọi điện thoại viên tổng đài R.I.T.E.

GOVERNMENT OF ALBERTA
FOR INFORMATION & ASSISTANCE IN
COMPLETING CALLS TO PROVINCIAL
GOVERNMENT OFFICES TO BE
CONNECTED TO YOUR CLOSEST
RITE CENTRE DIAL '0'
& ASK FORZenith 22333

Telephones

電話

Free long distance numbers

To find the Zenith number, look in the *white pages* under G for Government of Alberta. When you find the number, dial 0 to talk to the telephone operator. Tell the operator the Zenith number. The operator will connect you to the nearest R.I.T.E. operator. Tell the R.I.T.E. operator what government office you want to talk to.

The Canadian government also has a toll free number. It is 1-800-232-9481. You can use the number if there are no Government of Canada offices in your area. The person who answers the telephone can connect you to any Government of Canada office.

免費長途電話

找 Zenith 號碼，在白頁部份查 G - Government of Alberta. 當你找到這個號碼後，先撥 0，把這個號碼告訴接線員，接線員就會給你接通最近的 R.I.T.E. 然後說明你要的政府部門。

加拿大政府也有一個免費的長途電話號碼，就是 1-800-232-948 如果你住的地方沒有加拿大政府部門，你可以用這個號碼。受話人會為你接通任何加拿大政府部門。

Telefony

Bezpłatne połączenia zamiejscowe

Aby znaleźć numer Zenith, szukaj w książce *white pages* pod literą G: Government of Alberta. Kiedy odszukasz ten numer, wykręć zero aby połączyć się z operatorem telefonicznym. Podaj operatorowi numer Zenith. Zostaniesz połączony z najbliższym operatorem R.I.T.E. Powiedz temu operatorowi, z którym biurem rządowym chciałbyś rozmawiać.

Rząd Kanady ma również bezpłatny numer 1-800-232-9481. Możesz wykorzystać ten numer, jeżeli w twoim rejonie nie ma biur rządu federalnego Kanady. Osoba odpowiadająca na twój telefon może połączyć cię z dowolnym biurem rządu kanadyjskiego.

Teléfonos

Números de larga distancia gratuitos

Para encontrar el número Zenith, busque en las *páginas blancas* Government of Alberta en la G. Cuando usted tenga el número, marque 0 para hablar con el operador telefónico. Dígale al operador el número Zenith. El operador lo comunicará con el operador del R.I.T.E. más cercano. Dígale al operador del R.I.T.E. con qué oficina usted desea comunicarse.

Tabién el Gobierno Canadiense tiene un número sin cargo. Es el 1-800-232-9481. Usted puede usar el número si no hay oficinas del Gobierno de Canadá en su región. La persona que contesta el teléfono puede conectarlo con cualquier oficina del Gobierno de Canadá.

Điện Thoại

Gọi điện thoại viễn liên miễn phí

Để tìm số gọi miễn phí (Zenith), hãy xem trong điện thoại niên giám trang màu trắng dưới vận G cho chữ Government of Alberta (chính quyền Alberta). Khi bạn tìm được số rồi, hãy quay số 0 để nói chuyện với điện thoại viên. Hãy cho điện thoại viên biết số Zenith. Điện thoại viên sẽ nối đường dây giữa bạn và điện thoại viên của hệ thống R.I.T.E. gần nhất. Cho người này biết cơ quan Chính Phủ nào bạn muốn nói chuyện.

Chính Phủ Liên Bang cũng có số miễn phí. Đó là 1-800-232-9481. Bạn có thể sử dụng, số đó nếu không có cơ quan nào của Chính Phủ Liên Bang trong vùng bạn ở. Người trả lời điện thoại có thể nối đường dây để bạn nói chuyện với bất cứ cơ quan nào của Chính Phủ Liên Bang.

Postal Services

郵政服務

The Canadian government looks after postal services in Canada. The service is called Canada Post. At a Canada Post office, you can...

- mail letters and packages
- buy stamps
- get information about postal services in Canada

Canada Post offices are listed in the *white pages* of the telephone book. Look under G for Government of Canada. Then find Post Offices. You can also look under C for Canada Post.

Many drugstores also have post offices. If a store has a post office, it will display a Canada Post symbol.

在加拿大郵政服務是由聯邦政府管轄，稱為加拿大郵政 (Canada Post) 。在加拿大郵政局，你可以……

- 郵寄信件及包裹。
- 買郵票。
- 詢問有關加拿大郵政的各項服務。

你可以在電話簿的白頁部份查到郵政局的電話及地址。先查 G - Government of Canada, 再找郵局 (Post Offices) 。

你也可以查 C - Canada Post

一些藥店也附有郵局。如店內有郵局，門口會有一塊加拿大郵政 (Canada Post) 的招牌。

6



Usługi pocztowe

Rząd Kanady jest odpowiedzialny za usługi pocztowe w Kanadzie. Instytucja zajmująca się tymi usługami nazywana jest Canada Post. W urzędzie Canada Post możesz:

wysłać listy i paczki

kupić znaczki

otrzymać informacje o usługach pocztowych w Kanadzie.

Urzędy pocztowe są wymienione w książce *white pages*. Patrz pod literą G: Government of Canada. Potem znajdź Post Offices. Możesz również szukać pod literą C: Canada Post.

Urzędy pocztowe znajdują się również w wielu aptekach. Na zewnątrz sklepu, w którym znajduje się urząd pocztowy, umieszczony jest symbol Poczty Kanadyjskiej.

Servicios Postales

El gobierno de Canadá está a cargo de los servicios postales canadienses. Ese servicio se llama Canada Post (Correo de Canadá). En una oficina de Correos, usted puede:

despachar cartas y paquetes

comprar estampillas, timbres y sellos postales

pedir informaciones sobre los servicios postales en Canadá

Las oficinas de Correos aparecen en las *páginas blancas* de la guía telefónica. Busque Government of Canada en la G. Allí encontrará Post Offices (Oficinas de Correos). También puede buscar Canada Post en la C.

Muchos de esos comercios que venden cosméticos, papeles, etc., y donde hay una farmacia (drugstore, en inglés) tienen una oficina de correos. Si hay una oficina de correos allí, tendrán un cartel de Canada Post.

Dịch Vụ Bưu Tín

Chính phủ Liên Bang lo về dịch vụ bưu tín tại Gia Nã Đại. Dịch vụ này được gọi là Bưu tín Gia Nã Đại. Tại một Bưu điện Gia Nã Đại, bạn có thể . . .

gửi thư từ và bưu kiện

mua tem thư

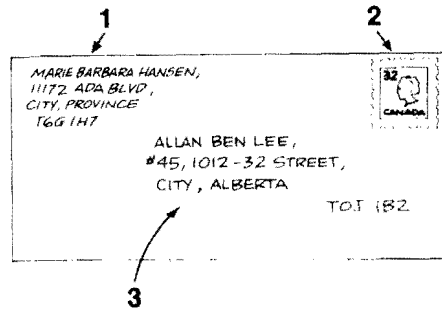
Lấy tin tức về dịch vụ bưu tín tại Gia Nã Đại

Các Bưu điện Gia Nã Đại được liệt kê trong những trang màu trắng của niên giám điện thoại. Xem dưới vắn G cho chữ Government of Canada (Chính Phủ Gia Nã Đại). Rồi tìm chữ Post Offices (bưu điện). Bạn còn có thể xem dưới vắn C cho chữ Canada Post (Bưu tín Gia Nã Đại).

Nhiều tiệm thuốc tây cũng có bưu điện. Nếu một cửa hàng có bưu điện, cửa hàng đó sẽ trưng bày một dấu hiệu Bưu tín Gia Nã Đại.

Postal Services

郵政服務



To mail a letter or package, you write the name and address of the person the mail is for and the return address (your address). All mail to places in Canada must also have a postal code. This is a number used for sorting mail. A post office clerk can tell you your postal code and the code of any address in Canada.

1. Return address
2. Stamp
3. Address of person mail is for

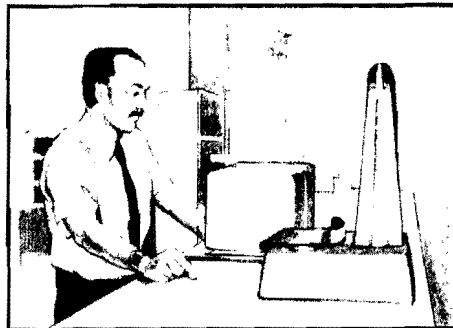
You will also need a stamp. The cost of your stamps depends on...
the weight of the package or letter
where it is going
how fast you want it to get there

In 1985, mail weighing 30 grams or less needed...

- a 34 cent stamp for a letter in Canada
- a 39 cent stamp for a letter to the United States
- a 68 cent stamp for a letter to other countries

If you are mailing a heavy letter or package, take the letter or package to a post office. A clerk will weigh it and tell you the exact charge for postage.

If the package is going outside Canada, you need to declare what is in it. This means you give its dollar value and state the contents.



郵寄一封信或包裹，你要寫上收件人的姓名、地址以及寄件人（你自己）的姓名和地址。

所有寄往加拿大境內的地址，還要加上郵政區號 (Postal Code)。這是一個爲了便於把信件分類的編號。郵局的職員可以告訴你，你的郵政區號以及在加拿大的任何一個地址的郵政區號。

1. 寄件人地址.
2. 郵 票.
3. 收件人地址.

你還得貼上郵票。所需郵票的面額，要看以下各種條件而定：

- 信件或包裹的重量.
- 寄往何地.
- 到達對方的期限.

在 1985 年，寄往加國境內，而不超過三十公分的郵件，須貼三毫二分郵票；寄往美國的信件需要三毫七分郵票；寄往其他國家需要貼上六毫四分郵票。

如果你寄一件重的信件或包裹，應先拿到郵局給職員過磅。他會告訴你應貼上的郵票數額。

如果郵包是寄往外國，你得在封面上申報所寄的物品及其價值。

Usługi pocztowe

Na wysłanym liście lub paczce musisz napisać nazwisko i adres odbiorcy oraz adres zwrotny (twój adres). Na wszystkich przesyłkach wewnątrz Kanady musi być umieszczony kod pocztowy. Jest to numer używany do sortowania poczty. Urzędnik na poczcie może powiedzieć ci, jaki jest kod pocztowy twój lub dowolnego adresu w Kanadzie.

1. Adres zwrotny
2. Znaczek
3. Adres odbiorcy

Będziesz również potrzebować znaczka. Koszt znaczków zależy od: wagi paczki lub listu miejsca przeznaczenia przesyłki szybkości dostawy.

W 1985 roku przesyłka ważąca do 30 gramów musiała mieć:

- 34-centowy znaczek na list w Kanadzie
- 39-centowy znaczek na list do Stanów Zjednoczonych
- 68-centowy znaczek na list do innych krajów.

Jeśli wysyłasz ciężki list lub paczkę, weź je do urzędu pocztowego. Urzędnik je zważy i powie ci dokładną cenę przesyłki.

Jeśli paczka wychodzi poza Kanadę, musisz zadeklarować jej zawartość, to znaczy podać wartość w dolarach i określić, co w niej jest.

Servicios Postales

Para enviar una carta o un paquete, usted debe escribir el nombre y la dirección de la persona a la que va dirigido, y la dirección del remitente (su dirección). Toda la correspondencia que vaya a algún lugar de Canadá debe tener, también, el código postal. Este es un número que se usa para clasificar la correspondencia. Un empleado de la oficina de correos puede darle a usted su código postal y el código de cualquier dirección en Canadá.

1. Remitente
2. Sello
3. Dirección de la persona a la que se envía la carta

Usted también necesitará un sello. El precio de los sellos depende de:

el peso del paquete o la carta adónde va

la rapidez con que usted desea que llegue a destino

En 1985, una pieza que pesaba 30 gramos o menos necesitaba:

- un sello de 34 centavos si iba a algún lugar de Canadá
- un sello de 39 centavos si iba a los Estados Unidos
- un sello de 68 centavos si iba a otros países

Si usted desea enviar un paquete o una carta pesada, lleve el paquete o la carta a la oficina de correos. Un empleado lo pesará y le dirá con exactitud qué valor en sellos corresponde.

Si el paquete va a un lugar que no está en Canadá, usted debe declarar qué contiene. Eso significa que usted declara su valor en dólares y el contenido.

Dịch Vụ Bưu Tín

Muốn gửi một lá thư hay một bưu kiện, bạn viết tên và địa chỉ của người nhận thư và địa chỉ thư hoàn lại (địa chỉ của bạn). Tất cả thư tín gửi đi các nơi trên toàn Gia Nã Đại phải có số vùng. Đây là số dùng để lựa thư. Một nhân viên của sở Bưu điện có thể cho bạn biết số vùng của bạn và số vùng của bất cứ một địa chỉ nào ở Gia Nã Đại.

1. Địa chỉ thư hoàn lại
2. Tem thư
3. Địa chỉ người nhận

Bạn cũng sẽ cần tem thư. Giá biểu của tem thư tùy thuộc vào . . .

Trọng lượng của bưu kiện hoặc lá thư, nơi bạn gửi đi
Bạn muốn đồ gửi đến nơi nhanh mức nào

Năm 1985, thư cân nặng 30 gram hay ít hơn cần . . .

Một con tem 34 xu cho một lá thư gửi trong Gia Nã Đại

Một con tem 39 xu cho một lá thư đi Hoa Kỳ

Một con tem 68 xu cho một lá thư đi các nước khác

Nếu bạn gửi một lá thư hay một bưu kiện nặng hơn, mang thư hay bưu kiện đến bưu điện. Một nhân viên sẽ cần và cho biết đích xác giá biểu bao nhiêu.

Nếu bưu kiện gửi ra ngoài Gia Nã Đại, bạn cần khai trong đó có gì. Có nghĩa là bạn trị giá bưu kiện và ghi những thứ gửi trong bưu kiện.

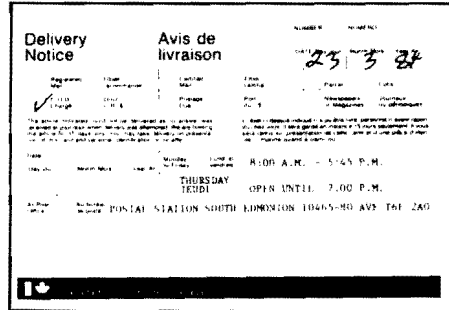
Postal Services

郵政服務

Registered mail

You can send important papers and packages by registered mail. This costs more than regular mail. A registered letter or package is not left in a person's mail box. The mail carrier gives it directly to the person. The person must sign for the letter or package.

If you get registered mail and you are not home to sign for it, the mail carrier will leave a card in your mail box. It will tell you where to pick up the mail.



Telegrams

There are telegram offices all over the world. Canada's telegram office is called CNCP Telecommunications. If you live in Edmonton or Calgary, you can find the telephone number in the *yellow pages* of the telephone book under T for Telegrams Service. If you live in another centre, dial 1-800-222-6575. You will be connected to the Edmonton office.

When you contact the CNCP Telecommunications office, say where the message should be sent and who it is for. Then give your message. If the message is not in English, spell it out, using English letters. If you need help spelling your telegram in English, go to an immigrant aid organization. The addresses and telephone numbers of immigrant aid organizations are listed at the back of the book on page 44.

掛號郵件

你可以用掛號郵件 (Registered mail) 郵寄重要文件或物品。這要比普通郵件貴。掛號信件或郵包是不放在收件人的郵箱裏，而是由郵差直接送交收件人。收件人收到該郵件時，必須簽收。

如果有你的掛號郵件，而你不在家，郵差會留一張卡片在你的郵箱裏，告訴你應到何處領取你的郵件。

電報

電報局遍佈世界各地。加拿大電報局稱為 CNCP Telecommunications。在埃城或卡城，如要找電報局的電話號碼，可以查電話簿的黃頁部份，找 T - Telegrams Service。如果住在其他地區，撥 1-800-222-6575 就可撥通在埃城的電報局。

電報局 電報局 電報局

當你接通加拿大電報局，說明收報人地址和姓名，再說明信息內容，如果不是英文字，應用英文字母拼出來。如果你需要別人幫你把信息用英文字母拼出來，可以到移民援助團體求助。各移民援助團體的地址及電話列在第44頁。

Usługi pocztowe

Przesyłki polecone

Możesz wysłać ważne dokumenty i paczki pocztą poleconą. Kosztuje to więcej niż zwykła poczta. List lub paczka polecona nie jest zostawiana w skrzynce pocztowej odbiorcy. Listonosz daje je prosto do rąk odbiorcy. Odbiorca musi pokwitować odbiór przesyłki.

Jeśli otrzymasz przesyłkę poleconą i nie ma cię w domu żeby pokwitować odbiór, listonosz zostawi ci w skrzynce pocztowej kartkę, która ci powie gdzie przesyłkę odebrać.

Telegramy

Urzędy telegraficzne znajdują się na całym świecie. Kanadyjski urząd telegraficzny nazywa się CNCP Telecommunications. Jeżeli mieszkasz w Edmonton lub Calgary, numer telefonu możesz znaleźć w książce telefonicznej *yellow pages* pod literą T: Telegrams Service. Jeżeli mieszkasz w innym ośrodku, użyj numeru 1-800-222-6575. Zostaniesz wtedy połączony z urzędem w Edmonton.

Kiedy skontaktujesz się z urzędem CNCP Telecommunications, podaj dokąd powinna być wysłana wiadomość i dla kogo. Potem podaj tekst depeszy. Jeżeli tekst nie jest w języku angielskim, przeliteruj go wymawiając litery po angielsku. Jeżeli potrzebujesz pomocy w angielskim przeliterowaniu tekstu, zgłoś się do organizacji pomocy emigrantom. Adresy i telefony organizacji pomocy emigrantom są wymienione na końcu tej książki, na stronie 44.

Servicios Postales

Correspondencia certificada

Usted puede enviar cartas o paquetes importantes por vía certificada. Esto cuesta más que la correspondencia normal. Una carta o paquete certificado no se deja en el buzón de la persona a la que se dirige. El cartero se lo entrega directamente a la persona. La persona debe firmar la conformidad de que lo ha recibido.

Si usted tiene correspondencia certificada y no está en su casa para firmar, el cartero dejará una tarjeta en su buzón. En la tarjeta dirá dónde debe ir usted a recoger la correspondencia.

Telegramas

Hay oficinas para telegramas en todo el mundo. La oficina para telegramas de Canadá se llama CNCP Telecommunications. Si usted vive en Edmonton o en Calgary, puede encontrar el número de teléfono en las *páginas amarillas* de la guía telefónica. Busque Telegram Service (Servicio de Telegramas) en la T. Si usted vive en otra parte, marque 1-800-222-6575 y quedará conectado con la oficina de Edmonton.

Quando usted se comunica con la oficina de CNCP Telecommunications, diga adónde se debe enviar el mensaje y a quién. Si el mensaje no está en inglés, debe decirlo letra por letra. Si tiene dificultades para ello, vaya a una oficina de ayuda para inmigrantes. Las direcciones y los números telefónicos de las organizaciones de ayuda para inmigrantes se encuentran al final de este libro, en la página 44.

Dịch Vụ Bưu Tín

Thư bảo đảm

Bạn có thể gửi các giấy tờ quan trọng và bưu kiện bằng bảo đảm. Phí tiền sẽ đắt hơn thư thường. Một lá thư hay bưu kiện gửi bảo đảm không được bỏ vào thùng thư của người nhận mà Bưu tín viên sẽ phải đưa trực tiếp cho người đó. Người nhận phải ký để nhận thư hay bưu kiện.

Nếu có thư bảo đảm đến mà bạn không có mặt ở nhà, bưu tín viên sẽ để lại một tấm thiệp trong hộp thư của bạn. Thiệp sẽ nói rõ bạn đến lấy thư tại đâu.

Điện tín

Văn phòng điện tín có khắp nơi trên thế giới. Văn phòng điện tín của Gia Nã Đại được gọi là cơ quan viễn thông CNCP. Nếu bạn ở Edmonton hay Calgary, bạn có thể tìm số điện thoại trong phần trang màu vàng dưới văn T cho chữ Telegrams Service (dịch vụ điện tín). Nếu bạn ở một nơi khác hãy gọi số 1-800-222-6575. Bạn sẽ được nối đường dây với văn phòng tại Edmonton.

Khi bạn liên lạc với văn phòng viễn thông CNCP, bạn hãy cho biết bạn muốn gửi điện tín cho ai và gửi đi đâu rồi cho biết rõ nội dung điện văn. Nếu điện văn không phải bằng anh ngữ, hãy đánh vần rõ ra bằng mẫu tự Anh ngữ. Nếu bạn cần giúp đỡ để đánh vần điện văn bằng Anh ngữ, hãy đến một cơ quan giúp đỡ dân di trú. Địa chỉ và số điện thoại của cơ quan giúp đỡ dân di trú được liệt kê ở phần cuối sách này ở trang 44.

Postal Services

郵政服務

Telegrams

When you send a telegram, you pay for every word and number in your message. You also pay for the person's name and address. The telegraph office will send you a bill saying how much you pay.

The cost depends on where the telegram goes and what type of telegram you send. There are...

- **Full-rate telegrams.** This is also a rush telegram. It reaches another centre in Canada that same day. It reaches another country in six to eight hours. In 1984, a full-rate telegram to another country cost from 35 to 50 cents for every word.
- **Night letter telegrams.** This is a slower telegram. It takes about one day to reach another centre in Canada. It takes from 24 to 48 hours to reach another country. In 1984, a night letter telegram to another country cost from 17 to 26 cents for every word.

電報

拍發電報的費用，是按照電文字數計算，包括收報人的地址及姓名。電報局會給你寄上一張賬單。

電報費用是依電報送達地點及電報種類而定。

電報種類分：

- **急電電報 (Full-rate telegrams)**：這是快電，在同一天內送達加拿大的另一地點。在六到八小時內送達另一個國家。在 1984年，向外國打急電，每字收費在三毫五分到五毫錢之間。
- **慢電電報 (Night letter telegrams)**：這稱電報較慢。送達加國另一地點需要一天的時間；送到另一國家需要24小時到48小時的時間。在1984年，向外國打慢電，每字收費一毫七分到二毫六分。

Usługi pocztowe

Servicios Postales

Dịch Vụ Bưu Tín

Telegramy

Gdy wysyłasz telegram, płacisz za każde słowo i liczbę w tekście. Płacisz także za nazwisko i adres odbiorcy. Urząd telegraficzny wyśle ci rachunek z wymienioną kwotą do zapłacenia.

Koszt telegramu zależy od jego miejsca przeznaczenia i jego rodzaju. Istnieją następujące rodzaje telegramów:

- *Telegramy pełnopłatne* lub ekspresowe. Docierają one do miejsca przeznaczenia w Kanadzie tego samego dnia, a do innego kraju w ciągu 6 do 8 godzin. W roku 1984 pełnopłatny telegram wysyłany za granicę kosztował od 35 do 50 centów za słowo.
- *Nocne telegramy listowe*. Są one wolniejsze i docierają do miejsca przeznaczenia w Kanadzie w ciągu około jednej doby. Do innego kraju docierają w ciągu 24 do 48 godzin. W roku 1984 nocny telegram listowy wysyłany za granicę kosztował od 17 do 26 centów za słowo.

Telegramas

Cuando usted envía un telegrama, paga por cada palabra o número contenido en el mensaje. También paga por el nombre de la persona y su dirección. La oficina para telegramas le enviará una cuenta con la cantidad que usted debe pagar.

El costo depende del lugar donde va el telegrama y el tipo de telegrama que usted envía. Hay:

- *Telegramas full-rate (de tarifa completa)*. Es un servicio rápido. Llega a cualquier lugar de Canadá el mismo día. Llega a cualquier otro país en un plazo de entre seis a ocho horas. En 1984, un telegrama 'full-rate' a otro país costaba entre 35 y 50 centavos por palabra.
- *Telegramas night letter (nocturno)*. Es un servicio más lento. Tarda aproximadamente un día en llegar a otro lugar de Canadá. Tarda entre 24 y 48 horas en llegar a otro país. En 1984, un telegrama 'night letter' a otro país costaba entre 17 y 26 centavos por palabra.

Điện tín

Khi bạn gửi một điện tín, bạn phải trả tiền mỗi chữ và số ghi trong điện văn. Bạn cũng trả tiền cho tên và địa chỉ người nhận. Văn phòng điện tín sẽ gửi hóa đơn báo bạn phải trả bao nhiêu.

Phí tiền tùy thuộc vào nơi điện tín gửi đến và loại điện tín bạn gửi. Có . . .

- *Điện tín với giá biểu trọn phần*. Đây cũng là loại điện tín khẩn. Điện sẽ đến một nơi khác ở Gia Nã Đại cùng ngày. Điện tín sẽ đến một nước khác trong vòng từ 6 đến 8 tiếng đồng hồ. Năm 1984, một điện tín gửi theo giá biểu trọn phần đến một nước khác tốn từ 35 đến 50 xu cho mỗi chữ.
- *Điện tín thư gửi qua đêm*. Đây là loại điện tín đi chậm. Tốn vào khoảng 01 ngày để điện tín đến một nơi khác tại Gia Nã Đại. Tốn từ 24 đến 48 tiếng đồng hồ để điện tín đến một nước khác. Năm 1984, một điện tín thư gửi đêm đến một xứ khác tốn từ 17 đến 26 xu cho mỗi chữ.

A Services Directory

服務機構詞匯

Now that you are living in Alberta, there are many services available to you. These services include...

Alberta Health Care Insurance
Family allowance
protection if you lose your job
education for your children

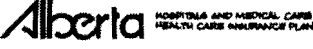
Alberta Health Care Insurance. Alberta has a Health Care Insurance Plan that helps to pay the cost of visiting a doctor and staying in the hospital. Every newcomer must register with the plan. After you register, you get an Alberta Health Care Insurance card in the mail. If you show your card when you visit the doctor or go to the hospital, you do not pay for health care. If you do not have an Alberta Health Care Insurance card, you pay the full cost of health care. This can be expensive.

1. Name
2. Registration Number
3. Expiry Date
4. Names of People
(children, spouse) also Covered.

在亞省定居後，你可以享用多種服務。包括：
亞省醫療保險
家庭補助金
失業保險
兒童教育

亞省醫療保險：亞省醫療保險負責你看醫生和住醫院的費用。新到的人必須先向醫療保險處登記。之後，你會收到一張保險卡。當你去看醫生或去醫院時，出示你的保險卡就不須要化錢。如果你沒有亞省醫療保險卡，你得付全部醫療費用，那可能是很貴的。

1. 姓名
2. 登記號碼
3. 屆滿日期 期
4. 孩子與配偶的姓名在庇護之內

						
NAME 1						
REGISTRATION NUM 2				EXPIRY DATE 3		
PERSON IDENTITY	INITIALS	DATE OF BIRTH		EXPIRY DATE		
		MO.	YEAR	DAY	MO.	YEAR
4						

THIS CARD IS VALID TO EXPIRY DATE PROVIDED ELIGIBILITY FOR REGISTRATION CONTINUES. SEE REVERSE FOR CHANGE OF ADDRESS OR DEPENDANTS.

Informacja o usługach

Teraz, gdy już mieszkasz w Albercie, wiele świadczeń jest dla Ciebie dostępnych. Między innymi:

Ubezpieczenie Zdrowotne w Albercie
Dodatki Rodzinne
zabezpieczenie na wypadek bezrobocia
kształcenie Twoich dzieci.

Ubezpieczenie Zdrowotne w Albercie.
W Albercie mamy państwowe ubezpieczenie zdrowia, noszące nazwę Health Care Insurance Plan, które pomaga opłacić koszty wizyty u lekarza i pobytu w szpitalu. Każdy nowoprzybyły musi zarejestrować się w Alberta Health Care Insurance. Po zarejestrowaniu otrzymasz pocztą kartę ubezpieczenia zdrowotnego Alberta. Jeżeli okażesz kartę podczas wizyty u lekarza lub pobytu w szpitalu, nie musisz wtedy płacić za opiekę zdrowotną. Jeżeli nie posiadasz karty ubezpieczenia zdrowotnego Alberta, musisz ponieść pełne koszty leczenia. Może to być kosztowne.

1. Nazwisko
2. Numer rejestracyjny
3. Data ważności
4. Nazwiska osób, które objęte są ubezpieczeniem (dzieci, małżonka).

Una lista de Servicios

Ahora que usted vive en Alberta, hay muchos servicios de los que usted puede disponer. Esos servicios son:

Seguro de Salud de Alberta (Alberta Health Care Insurance)
Subsidio familiar (Family allowance)
protección si usted pierde el trabajo
educación para sus hijos

Seguro de Salud de Alberta. Alberta tiene un Plan de Seguro de Salud (Health Care Insurance Plan, en inglés) que ayuda a pagar los costos ocasionados por las visitas al médico y la estadía en un hospital. Las personas que llegan a Alberta por primera vez deben inscribirse en el plan. Después de haberse inscripto, usted recibe por correo una tarjeta de Alberta Health Care Insurance. Si usted muestra la tarjeta cuando visita al doctor o va al hospital, no paga por ello. Si usted no tiene una tarjeta de Alberta Health Care Insurance, usted debe pagar. Eso puede ser caro.

1. Apellido y nombre
2. Número de inscripción
3. Fecha de vencimiento
4. Nombres de las personas (hijos, esposa) que están incluidos.

Niên Giám Dịch Vụ

Bây giờ bạn đang sống tại Alberta. Có nhiều dịch vụ sẵn có cho bạn các dịch vụ này gồm . . .

Bảo Hiểm y Tế tại Alberta
Trợ cấp gia đình
Bảo hiểm nếu bạn bị mất việc làm
Giáo dục cho con cái

Bảo Hiểm Y Tế tại Alberta (Alberta Health Care Insurance). Alberta có một chương trình bảo hiểm Y Tế nhằm giúp trả tiền mọi người trả tiền khám bác sĩ và nằm bệnh viện. Tất cả mọi người mới tới phải đăng ký vào chương trình bảo hiểm này. Sau khi đăng ký, bạn sẽ nhận được một thẻ Bảo Hiểm Y Tế qua bưu điện. Nếu bạn trình thẻ này khi đi khám bác sĩ hoặc vào bệnh viện thì bạn khỏi phải trả tiền cho các dịch vụ y tế này. Nếu không có thẻ, bạn phải trả tiền cho các dịch vụ về y tế và như vậy có thể rất tốn kém.

1. Tên
2. Số bảo hiểm
3. Ngày hết hạn
4. Tên của những người được bảo hiểm (con cái hay vợ chồng)

A Services Directory

服務機構詞匯

You may want to pay your own health care costs and not want to belong to the plan. You can arrange to do this, but first you must register with the plan.

To find the telephone number and address of the Alberta Health Care Insurance Plan, look in the *white pages* of the telephone book. Find G for Government of Alberta. Then find Health Care Insurance Plan. The number may be listed under Frequently Called Numbers.

Family allowance. This is money the Government of Canada pays to families with children. The allowance helps pay for the cost of raising children. You can get the allowance if one parent is a Canadian citizen or permanent resident. The allowance starts when your child is born or when you and your children come to Canada.

To get family allowance you must complete an application form. You can get it at...

- the hospital when your child is born
- a post office
- Health and Welfare Canada. To find the address and telephone number, look in the *white pages* under G for Government of Canada. Find H for Health and Welfare. Then find Family allowance.

你或者寧可自己出錢看病，而不願意參加這個保險計劃。這是可以的，但你仍得先登記。

亞省醫療保險部門的地址和電話，可以在電話簿的白頁部份找到。查 G - Government of Alberta 再查醫療保險計劃 (Health Care Insurance Plan) 這個號碼也可能列在常用號碼 (Frequently Called Numbers) 內。

家庭補助金：這是加拿大政府發給有子女的家庭的支助金，是為補助養育子女之費用。如果雙親之一是加國公民或永久居民，就可領用這項補助金。嬰兒一出生或當子女抵達加拿大，你就可以開始領取家庭補助金。

領取補助金，須先填一份申請表。申請表可向下列各處索取：

- 當嬰兒出生後，向醫院索取。
- 郵局。
- 加拿大衛生福利部 (Health and Welfare Canada)。
可在電話簿白頁部份查地址及電話號碼。

先查 G - Government of Canada
再找 H - Health and Welfare
再找 Family allowance

Informacja o usługach

Może zdarzyć się, że będziesz chciał sam pokrywać koszty twojego leczenia i nie należąc do ubezpieczenia państwowego. Jest to możliwe do załatwienia, ale najpierw musisz zarejestrować się w Alberta Health Care.

Aby znaleźć numer telefonu i adres Ubezpieczenia Zdrowotnego Alberta, szukaj w książce telefonicznej *white pages* pod literą G: Government of Alberta. Znajdź Health Care Insurance Plan. Numer ten może być wymieniony w sekcji zatytułowanej Frequently Called Numbers (Numery często używane).

Dodatek Rodzinny. Są to pieniądze, które wypłaca rząd Kanady dla rodzin z dziećmi. Zasiłek ten pomaga opłacać koszty związane z wychowaniem dzieci. Zasiłek można dostać, jeżeli jedno z rodziców jest obywatelem kanadyjskim albo posiada status permanent resident. Otrzymywanie zasiłku rozpoczyna się z chwilą urodzin dziecka lub z chwilą przyjazdu twego i twoich dzieci na stałe do Kanady.

Aby dostać zasiłek rodzinny musisz wypełnić formularz-podanie. Możesz otrzymać go:

- w szpitalu, gdy urodziło się dziecko
- na poczcie
- w urzędzie Health and Welfare Canada. Aby znaleźć adres i numer telefonu tego urzędu, szukaj w książce *white pages* pod literą G: Government of Canada. Znajdź H: Health and Welfare. Potem znajdź Family Allowance.

Una lista de Servicios

Puede ser que usted quiera pagar sus propios gastos médicos y no quiera pertenecer al plan. Usted puede hacerlo, pero primero debe inscribirse en el plan.

Para encontrar el número de teléfono y la dirección de Alberta Health Care Insurance Plan, busque en las *páginas blancas* de la guía de teléfonos. Busque Government of Alberta en la G. Luego busque Health Care Insurance Plan. El número puede estar en la lista de los Frequently Called Numbers (Números frecuentemente necesitados).

Subsidio familiar. Este es un dinero que el Gobierno de Canadá paga a las familias con hijos. El subsidio ayuda a pagar los gastos originados por la crianza de los hijos. Usted puede obtener el subsidio si uno de los padres es ciudadano canadiense o residente permanente. El pago del subsidio comienza cuando el niño nace o cuando usted y sus hijos llegan a Canadá.

Para obtener el subsidio familiar, usted debe llenar un formulario. Puede obtener el formulario en:

- el hospital donde nace su hijo
- en una oficina de correos
- en Health and Welfare Canadá (Salud y Bienestar de Canadá). Para encontrar el número de teléfono, busque en las *páginas blancas* Government of Canada en la G. Busque Health and Welfare en la H. Luego busque Family allowance.

Niên Giám Dịch Vụ

Bạn có thể muốn trả các phí tiền về y tế cho bạn và không muốn tham gia chương trình này. Điều đó có thể thú xếp được nhưng trước hết bạn phải đăng ký với kế hoạch này.

Muốn tìm số điện thoại và địa chỉ của chương trình Bảo Hiểm y Tế Alberta, bạn hãy tìm trong phần trang màu trắng của điện thoại niên giám dưới vần G chữ Government of Alberta (Chính quyền Alberta). Rồi tìm chữ Health Care Insurance Plan (Chương trình Bảo Hiểm) y tế Alberta. Số điện thoại có thể được in dưới phần Các Số Được Gọi Thường Xuyên (Frequently Called Numbers).

Trợ cấp gia đình (Family Allowance). Đây là tiền chính phủ Gia Nã Đại cấp cho những gia đình có con. Tiền trợ cấp này giúp trả tiền phí nuôi con. Bạn có thể nhận được tiền trợ cấp cho con cái nếu một trong hai người cha hay mẹ là công dân Gia Nã Đại hay là dân thường trú. Tiền trợ cấp được tính từ ngày con bạn chào đời hay khi bạn và con cái đến Gia Nã Đại.

Để được hưởng tiền trợ cấp bạn phải điền một đơn xin. Bạn có thể lấy đơn tại . . .

- Bệnh viện khi con bạn mới sinh ra
- Bưu điện
- Số Y Tế và An Sinh Gia Nã Đại (Health and Welfare Canada). Muốn tìm địa chỉ và số điện thoại, hãy kiểm tra trong các trang màu trắng của điện thoại niên giám dưới vần G cho chữ Government of Canada (Chính Phủ Gia Nã Đại). Tìm vần H cho y tế và an sinh. Rồi tìm Family allowance (Trợ cấp gia đình).

A Services Directory

服務機構詞匯

Protection if you lose your job. If you work in Canada and lose your job, you may be able to get unemployment insurance while you are looking for a new job. To receive the insurance, you must have...

- worked for a certain number of weeks
- paid into the insurance plan
- a Social Insurance Number (S.I.N. for short)

A S.I.N. is a number issued by the government of Canada. The government uses the number to keep a record of all your earnings and how much you have paid into the unemployment insurance plan.

You apply for a S.I.N. before you start working. To apply, go to a Canada Employment Centre. Page 39 gives information on how to contact a Canada Employment Centre. Bring two papers or cards that show who you are. For example, bring your immigration papers, passport or birth certificate.

You may have applied for a S.I.N. just after you arrived in Canada. If you applied and did not get your S.I.N. go to a Canada Employment Centre and ask about it.

失業保險：如果你在加拿大工作而後來失業，當你另謀他職前，可以領取失業金。

領取失業金的條件是：

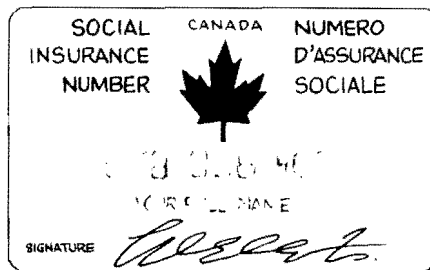
- 你必須工作了若干時間
- 交了保險費
- 有一個社會保險號碼 (Social Insurance Number 簡稱 S.I.N.)

社會保險號碼是加國政府發給的號碼。政府用這個號碼紀錄你的收入及交付的保險費。

在找工作以前，應先去加拿大就業中心申請這個號碼。有關加拿大就業中心 (Canada Employment Centre.)

請參閱下一節。帶兩份身份證明文件去，例如：出生證書、護照、移民証等。

你初到加拿大時，可能已申請了社會保險號碼。如果你已經申請，而尚未收到你的號碼，應向加拿大就業中心查詢。



Informacja o usługach

Zabezpieczenie na wypadek utraty pracy. Jeżeli pracujesz w Kanadzie i stracisz pracę, możliwe, że będziesz mógł otrzymać zasiłek dla bezrobotnych na okres poszukiwania nowej pracy. Warunkiem otrzymania zasiłku dla bezrobotnych jest:

- praca przez określoną liczbę tygodni
- płacenie składek na ubezpieczenie od bezrobocia podczas gdy pracowałeś
- posiadanie numeru, który nazywa się Social Insurance Number (S.I.N. w skrócie).

Numer S.I.N. jest wydawany przez Rząd Kanady. Numer ten jest wykorzystywany do rejestrowania twoich dochodów oraz ilości pieniędzy, które wpłaciłeś na ubezpieczenie od bezrobocia.

O numer S.I.N. starasz się przed rozpoczęciem pracy. Aby to ułatwić, zgłoś się do biura Canada Employment Centre (Centrum Zatrudnienia). Informacja, w jaki sposób skontaktować się z Canada Employment Centre, podana jest na stronie 39. Przyniesz ze sobą dwa dokumenty lub karty potwierdzające twoją tożsamość. Mogą to być, na przykład, dokumenty imigracyjne, paszport lub metryka urodzenia.

Może się zdarzyć, że występowałeś o numer S.I.N. zaraz po przybyciu do Kanady. Jeżeli występowałeś o numer i nie otrzymałeś go, zgłoś się do Canada Employment Centre i poproś o interwencję.

Una lista de Servicios

Protección si usted pierde el trabajo. Si usted trabaja en Canadá y pierde el empleo, puede obtener seguro de desempleo mientras busca otro trabajo. Para recibir este seguro, usted debe:

- haber trabajado un determinado número de semanas
- haber pagado el plan de seguro
- tener un Número de Seguridad Social (Social Insurance Number o S.I.N.)

El S.I.N. es un número que otorga el gobierno de Canadá. El gobierno utiliza el número para llevar un registro de todo lo que usted ha ganado y de cuánto usted ha pagado para el plan de seguro de desempleo.

Usted solicita un S.I.N. antes de empezar a trabajar. Para hacer la solicitud, vaya a un Centro de Empleo de Canadá (Canada Employment Centre). En la página 39 se explica cómo ponerse en contacto con un Centro de Empleo de Canadá. Lleve dos documentos o tarjetas que muestren quién es usted. Por ejemplo, lleve sus documentos de inmigración, el pasaporte o el certificado de nacimiento.

Puede ser que usted haya solicitado un S.I.N. inmediatamente después de haber llegado a Canadá. Si usted lo solicitó y no recibió el S.I.N., vaya a un Centro de Empleo de Canadá y pregunte por eso.

Niên Giám Dịch Vụ

Bảo hiểm nếu bạn mất việc. Nếu bạn làm việc tại Gia Nã Đại và mất việc, bạn có thể hưởng được bảo hiểm thất nghiệp trong khi đi tìm việc làm mới. Để được hưởng bảo hiểm này, bạn phải có các điều kiện . . .

- Đã làm việc một số tuần lễ
- Đã trả tiền cho Kế Hoạch Bảo Hiểm
- Có số bảo hiểm xã hội (gọi tắt S.I.N.)

Số S.I.N. là số do Chính Phủ Gia Nã Đại cấp. Chính phủ sử dụng số này để lưu hồ sơ về tất cả các khoản tiền kiếm được và số tiền bạn đã trả cho kế hoạch bảo hiểm thất nghiệp là bao nhiêu.

Bạn phải xin số Bảo hiểm Xã Hội (SIN) trước khi khởi sự làm việc. Muốn xin số hãy đến sở Nhân Dụng Gia Nã Đại. Trang 39 cho biết chi tiết làm thế nào để liên lạc với Sở Nhân Dụng Gia Nã Đại. Mang 02 chứng tử hoặc thẻ chứng minh bạn là ai. Ví dụ, mang giấy tờ di trú, thông hành hay khai sinh.

Bạn có thể xin số Bảo hiểm Xã Hội (S.I.N.) ngay sau khi bạn đến Gia Nã Đại. Nếu bạn đã xin mà chưa nhận được thẻ Bảo Hiểm Xã Hội hãy đến sở Nhân Dụng Gia Nã Đại để hỏi lại.

A Services Directory 服務機構詞匯

Education for your children. All children ages six to 16 must go to school. Children can go to...

public schools (usually non-religious)

separate schools (usually Catholic)

private schools (operated by private organizations and religious groups)

Parents pay some money to send children to public or separate schools. For example, they may have to pay some money for books. Most of the cost, however, is paid by taxes. Parents pay all the costs if they send their children to a private school. Taxes do not help pay.

Public and separate schools are operated by school boards. A school board office can tell you where your children can go to school. To find the telephone number of the office, look in the *white pages* for the name of your city, town or village. Then find...

Board of Education

Public School Board

Catholic School Board

School District

The school board office may also be listed in the *yellow pages* under S for Schools. An immigrant aid organization may also be able to tell you about schools near your home.

兒童教育：從六歲到十六歲的兒童，必須接受學校教育。下列三種學校由你選擇。

公立學校 (Public schools) 一般是非宗教性的。

教會學校 (Separate schools) 大多屬天主教團體。

私立學校 (Private schools) 是由私人團體或宗教團體經辦。

家長送子女到公立學校或教會學校，只付部份的費用。例如：有的要付書籍費。不過大部份的費用是由稅款支付。如果上私立學校，家長要負擔全部費用，沒有稅款的支助。

公立學校及教會學校是由教育局 (School Boards) 管轄。教育局可以告訴你，你的子女應往何處上學。教育局的地址及電話，列在當地電話簿的白頁部份。

查 Board of Education

Public School Board

Catholic Board

或 School District

教育局的地址及電話也可能列在黃頁部份，

查 S - Schools。

移民援助團體也可以告訴你鄰近有那些學校。

Informacja o usługach

Kształcenie twoich dzieci. Wszystkie dzieci w wieku od sześciu do szesnastu lat muszą chodzić do szkoły. Dzieci mogą pójść do:

szkół publicznych (przeważnie bezwyznaniowych)

szkół wydzielonych (przeważnie katolickich)

szkół prywatnych (prowadzonych przez prywatne organizacje i grupy religijne).

Jeżeli dzieci chodzą do szkół publicznych lub wydzielonych, rodzice płacą pewne sumy pieniędzy na ich naukę. Na przykład muszą pokryć koszt książek. Jednakże większa część kosztów nauki dzieci jest pokrywana z podatków. Rodzice płacą wszystkie koszty nauki, jeżeli posyłają dzieci do szkół prywatnych. Nie ma wtedy żadnej pomocy z funduszy podatkowych.

Szkoły publiczne i wydzielone są prowadzone przez rady szkolne. W biurze rady szkolnej możesz dowiedzieć się, do której szkoły mogą pójść twoje dzieci. Aby znaleźć numer telefonu biura, patrz w książce *white pages* pod nazwę twojego miasta, miasteczka lub osiedla. Potem znajdź:

Board of Education

Public School Board

Catholic School Board

School District

Biuro rady szkolnej może być również wymienione w książce *yellow pages* pod literą S: Schools. Organizacja pomocy emigrantom może również być w stanie poinformować Cię o szkołach, które znajdują się w pobliżu twego domu.

Una lista de Servicios

Educación para us hijos. Todos los niños, entre los 6 y los 16 años de edad, tiene obligación de ir a la escuela. Pueden ir a:

escuelas públicas (public schools), que no son religiosas en general

escuelas separadas (separate schools), que también son públicas y en general católicas

escuelas privadas (private schools), que están en manos de organizaciones privadas y grupos religiosos

Los padres deben pagar algo cuando mandan a sus hijos a las escuelas públicas o separadas. Por ejemplo, deben pagar algunos libros. Sin embargo, la mayoría de los gastos son pagados con los impuestos. Los padres deben pagar todos los gastos si mandan a sus hijos a una escuela privada. Los impuestos no ayudan en ese caso.

Las escuelas públicas y separadas dependen de consejos escolares (school board, en inglés). Una oficina del consejo escolar puede decirle a qué escuela pueden ir sus hijos. Para encontrar el número de teléfono de la oficina, busque en las *páginas blancas* el nombre de su ciudad o pueblo. Busque luego:

Board of Education (Consejo de Educación)

Public School Board (Consejo Escolar Público)

Catholic School Board (Consejo Escolar Católico)

School District (Distrito Escolar)

Es posible que la oficina del consejo escolar esté también en las *páginas amarillas*, en la S, en Schools. Una organización de ayuda al inmigrante también puede informarle sobre las escuelas que están cerca de su casa.

Niên Giám Dịch Vụ

Giáo dục cho con cái bạn. Tất cả trẻ con tuổi từ sáu đến 16 phải đi học. Trẻ con có thể đến . . .

Trường công (thường không thuộc Tôn Giáo)

Trường biệt lập (thường là trường Công Giáo)

Trường Tư (điều hành bởi các Hội đoàn tư nhân và nhóm tôn giáo)

Phụ huynh trả một số tiền khi gửi con đến học trường Công hay trường Tư. Ví dụ, họ phải trả một ít tiền mua sách. Phần lớn các phí tổn về sách vở tiền thuê trả cho. Phụ Huynh Phải trả mọi tổn phí nếu gửi con học trường tư. Tiền thuê không trả cho các chi phí của trường tư.

Trường Công và Trường Công Giáo biệt lập được điều hành bởi ban điều hành học đường. Ban điều hành học đường có thể cho bạn biết con cái bạn có thể đi học trường nào. Muốn tìm số điện thoại của văn phòng này hãy xem trong phần trang mẫu trắng của điện thoại niên giám tên của vùng bạn đang ở rồi kế tiếp tìm . . .

Board of Education (Ban Giáo Dục)

Public School Board (Ban Điều Hành Trường Công Lập)

Catholic School Board (Ban Điều Hành Trường Công Giáo)

School District (Khu phụ trách Học Đường)

Văn phòng ban điều hành học đường có thể được liệt kê trong phần trang mẫu vàng dưới văn S cho chữ School (trường học). Một cơ quan giúp đỡ di dân cũng có thể cho bạn biết về các trường học gần nhà bạn.

Places that can help

In Alberta, there are many organizations that can help newcomers. For example, you can get help from...

immigrant aid organizations
Canada Employment Centres
Canada Immigration Centres
ethno-cultural organizations
Native Friendship Centres

Immigrant aid organizations. Many cities and towns have immigrant aid organizations that help newcomers. For example, they give information about...

housing
jobs
health care
where you can go for more help

Immigrant aid organizations do not give financial help.

Many of the people who work at immigrant aid organizations are newcomers who speak different languages. The telephone numbers and addresses of immigrant aid organizations are on page 44 of this book.

Canada Employment Centres. These are Government of Canada offices that give information about jobs and working in Alberta.

可以求助的地方

在亞省有很多團體和機構可以幫助新到的人。
例如：下列各處都是你可以求助的地方：

移民援助團體 (Immigrant Aid Organizations)
加拿大就業中心 (Canada Employment Centres)
加拿大移民中心 (Canada Immigration Centres)
民族文化組織 (Ethno-cultural Organizations)

移民援助團體：很多市鎮都有移民援助團體幫助新到的人。例如，他們能為你解答有關...

住 房

就 業

醫療衛生

其他你可以求助的地方

移民援助團體不提供錢財上的幫助。

很多在移民援助團體工作的人是能講不同語言的新移民。有關移民援助團體的地址及電話，參看第44頁。

加拿大就業中心：這是加拿大政府機構，專為提供有關工作及就業的資料而設。

Informacja o usługach

Ośrodki, które mogą służyć pomocą

W Albercie jest wiele organizacji, które mogą pomóc nowoprzybyłym. Są to między innymi:

organizacje pomocy emigrantom

Canada Employment Centre

Canada Immigration Centre

organizacje etniczno - kulturalne

Centra Rodzimej Przyjaźni

Organizacje pomocy emigrantom. Organizacje te, pomagające nowoprzybyłym, znajdują się w wielu miastach i miasteczkach. Mogą one, na przykład, poinformować o:

mieszkaniach

pracy

opiece zdrowotnej

ośrodkach, w których możesz otrzymać dodatkową pomoc.

Wiele z osób, które pracują w organizacji pomocy emigrantom, to również nowoprzybyli, którzy mówią wieloma różnymi językami. Numery telefonów i adresy organizacji pomocy emigrantom wymienione są na stronie 44 niniejszej książki.

Urzędy Canada Employment Centre. Są to biura Rządu Kanady, które dostarczają informacji o możliwościach i warunkach pracy w Albercie.

Una lista de Servicios

Lugares donde se puede pedir ayuda

Hay muchas organizaciones en Alberta que pueden prestar ayuda a los recién llegados. Por ejemplo, usted puede recibir ayuda en:

organizaciones de ayuda al inmigrante

Canada Employment Centres (Centros de Empleo de Canadá)

Canada Immigration Centres (Centros de Inmigración de Canadá)

organizaciones étnico-culturales

Native Friendship Centres (Centros Indigenistas)

Organizaciones de ayuda al inmigrante. Muchas ciudades y pueblos tienen organizaciones de ayuda al inmigrante que prestan servicios a los recién llegados. Por ejemplo, informan sobre:

alojamiento

trabajo

servicios médicos

otro lugar donde puedan darle más ayuda

Las organizaciones de ayuda al inmigrante no dan ayuda financiera.

Muchas de las personas que trabajan en las organizaciones de ayuda al inmigrante son inmigrantes ellos mismos y hablan diferentes idiomas. El número de teléfono y la dirección de las organizaciones de ayuda al inmigrante están en la página 44 de este libro.

Centros de Empleo de Canadá. Estas son oficinas del Gobierno de Canadá que dan información sobre empleos en Alberta.

Niên Giám Dịch Vụ

Các nơi có thể giúp đỡ

Tại Alberta, có nhiều tổ chức giúp đỡ người mới nhập cư. Ví dụ, bạn có thể được giúp đỡ từ . . .

Các tổ chức giúp dân di trú

Các Sở Nhân Dụng Gia Nã Đại

Các Sở Di Trú Gia Nã Đại

Các Tổ chức Văn Hóa Sắc Tộc

Các Trung tâm Hữu nghị địa phương

Các tổ chức giúp dân di trú (Immigrant aid organizations). Nhiều đô thị và thị trấn có các tổ chức giúp dân di trú. Ví dụ, các tổ chức đó cung cấp tin tức về . . .

nhà cửa

công việc làm

Y tế

Nơi bạn có thể đến để được giúp đỡ thêm

Các tổ chức giúp đỡ dân di trú không giúp đỡ về tài chính.

Nhiều người làm cho các tổ chức giúp người di trú là người di trú, họ nói được nhiều thứ tiếng. Số điện thoại và địa chỉ của các tổ chức giúp người di trú ở trang 44 của cuốn sách này.

Các sở nhân dụng Gia Nã Đại (Canada Employment Centre). Là các văn phòng của Chính Phủ Gia Nã Đại cung cấp tin tức về công ăn việc làm và làm việc tại Alberta.

Places that can help

There are Canada Employment Centres in most cities and towns. Their addresses and telephone numbers are in the *white pages* of the telephone book. Look under G for Government of Canada. Find E for Employment and Immigration. Then find Canada Employment Centre.

Canada Immigration Centres. These are Government of Canada offices that can give you information about immigration laws and programs. There are Canada Immigration Centres in many cities and towns. Their addresses and telephone numbers are in the *white pages* of the telephone book. Look under G for Government of Canada. Find E for Employment and Immigration. Then find Canada Immigration Centre.

可以求助的地方

很多市鎮都有加拿大就業中心的設立。地址和電話可在電話簿的白頁部份查到。

查 G - Government of Canada
再找 E - Employment and Immigration
就能找到 Canada Employment Centre

加拿大移民中心：這是加拿大政府的機構，可為你解答有關移民的法律及服務等問題。多數市鎮都有加拿大移民中心。在電話簿的白頁部份，可以查到當地移民中心的地址及電話。

查 G - Government of Canada
再找 E - Employment and Immigrations
就能找到 Canada Immigration Centre

Informacja o usługach

Ośrodki, które mogą służyć pomocą

Urzędy Canada Employment Centre znajdują się w większości miast i miasteczek. Ich adresy i numery telefonów wymienione są w książce telefonicznej *white pages*. Patrz pod literę G: Government of Canada. Znajdź E: Employment and Immigration. Potem znajdź Canada Employment Centre.

Urzędy Canada Immigration Centre. Są to biura Rządu Kanady, które mogą poinformować cię o przepisach i programach imigracyjnych. Biura Canada Immigration Centre znajdują się w wielu miastach i miasteczkach. Adresy i numery telefonów tych biur wymienione są w książce telefonicznej *white pages*. Patrz pod literę G: Government of Canada. Znajdź E: Employment and Immigration, następnie Canada Immigration Centre.

Una lista de Servicios

Lugares donde se puede pedir ayuda

Hay Centros de Empleo de Canadá en la mayoría de las ciudades y pueblos. La dirección y el número de teléfono están en las *páginas blancas* de la guía telefónica. Busque Government of Canada en la G. Allí busque Employment and Immigration en la E. Luego busque Canada Employment Centre.

Centros de Inmigración de Canadá. Estas son oficinas del Gobierno de Canadá que pueden darle información sobre leyes de inmigración y programas. Hay Centros de Inmigración de Canadá en muchas ciudades y pueblos. La dirección y el número de teléfono están en las *páginas blancas* de la guía de teléfonos. Busque Government of Canada en la G. Busque Employment and Immigration en la E. Luego busque Canada Immigration Centre.

Niên Giám Dịch Vụ

Các nơi có thể giúp đỡ

Phần lớn các đô thị và thị trấn đều có các sở nhân dụng Gia Nã Đại. Địa chỉ và số điện thoại của những nơi đó nằm trong niên giám điện thoại nơi các trang màu trắng. Xem dưới vần G cho chữ Government of Canada (Chính phủ Gia Nã Đại). Tìm vần E cho chữ Employment and Immigration (Nhân Dụng và Di Trú). Rồi tìm chữ Canada Employment Centre (Sở nhân dụng Gia Nã Đại).

Các Sở Di Trú (Canada Immigration Centre). Đây là những văn phòng của Chính Phủ Gia Nã Đại có thể cho bạn tin tức về những chương trình các đạo luật di trú. Tại nhiều đô thị và thị trấn đều có các di trú. Địa chỉ và số điện thoại của các nơi đó ở trong phần trang màu trắng và cuốn điện thoại niên giám. Xem dưới vần G cho chữ Government of Canada (Chính Phủ Gia Nã Đại). Tìm vần E cho chữ Employment and Immigration (nhân dụng và Di Trú). Rồi tìm Canada Immigration Centre (Sở Di trú Gia Nã Đại).

Places that can help

Ethno-cultural organizations. These are organizations for people with the same language and culture. Some ethno-cultural organizations have newspapers in their language. Some have social events and programs. The Cultural Heritage Branch of Alberta Culture can tell you about ethno-cultural organizations. You can find the telephone number and address of Alberta Culture in the *white pages* of the telephone book. Look under G for Government of Alberta. Find C for Culture.

Native Friendship Centres. Native Albertans operate these centres. They help native Albertans and newcomers who have just arrived in a city. They also have special programs and social events. To find a Native Friendship Centre in your city or town, look in the *white pages* of the telephone book. Find N for Native.

民族文化組織

民族文化組織：這是一些由不同語言及文化背景人士組成的民間團體。有的有他們自己語文的報紙。有的有各種社交活動等。亞省文化部的文化遺產處

(The Cultural Heritage Branch of Alberta Culture)

可以告訴你有關各民族文化團體的資料。

你可以在電話簿的白頁部份

查 **G - Government of Alberta.**

再找 **C - Culture**

就可找到文化部的地址及電話。

土著民族友誼中心：是由土生亞伯達人管理的。他們幫助土生亞伯達人及新來的居民。它們也有特別的方案與社會活動。要查土著民族友誼中心，請在白頁電話簿 **N** 欄查土著 **Native**。

Informacja o usługach

Ośrodki, które mogą służyć pomocą

Organizacje etniczno - kulturalne. Są to organizacje zrzeszające ludzi o tym samym języku i kulturze. Niektóre z tych organizacji wydają gazetę w swoim języku. Niektóre organizują imprezy społeczne z urozmaiconym programem. Oddział Cultural Heritage (Dziedzictwa Kulturalnego) Ministerstwa Kultury Alberty może udzielić ci informacji o organizacjach etniczno - kulturalnych. Numer telefonu i adres Ministerstwa Kultury możesz znaleźć w książce telefonicznej *white pages*. Patrz pod literę G: Government of Alberta. Odszukaj C: Culture.

Ośrodki Rodzimej Przyjaźni. Ośrodki te są prowadzone przez tubylców Alberty. Pomagają one rdzennym mieszkańcom Alberty oraz nowoprzybyłym, którzy od niedawna przebywają w mieście. Mają również specjalne programy i imprezy społeczne. Aby znaleźć Ośrodek Rodzimej Przyjaźni w twoim mieście lub miasteczku, szukaj w książce telefonicznej *white pages* pod literą N: Native Friendship Centre.

Una lista de Servicios

Lugares donde se puede pedir ayuda

Organizaciones étnico-culturales. Son organizaciones para personas que tienen el mismo idioma y la misma tradición. Algunas organizaciones étnico-culturales publican periódicos escritos en sus idiomas. Algunas organizan reuniones sociales y programas diversos. La Sección de Patrimonio Cultural, del Ministerio de Cultura de Alberta (Cultural Heritage Branch, de Alberta Culture) puede informarle sobre estas organizaciones étnico-culturales. Usted puede encontrar el número de teléfono y la dirección de Alberta Culture en las *páginas blancas* de la guía de teléfonos. Busque Government of Alberta en la G. Busque allí Culture en la C.

Centros Indigenistas. Estos centros están en manos de indios nativos de Alberta. Esos centros ayudan a los nativos de Alberta y a los recién llegados a la ciudad. También tienen programas especiales y reuniones sociales. Para encontrar un Centro Indigenista (Native Friendship Centre) en su ciudad o pueblo, busque en las *páginas blancas* de la guía de teléfonos. Busque Native en la N.

Niên Giám Dịch Vụ

Các nơi có thể giúp đỡ

Các tổ chức văn hóa sắc tộc (Ethno-cultural organizations). Đây là các tổ chức cho những người có cùng một ngôn ngữ và văn hóa. Một vài tổ chức Văn Hóa Sắc Tộc có báo chí bằng ngôn ngữ của họ. Một vài tổ chức lại có các cuộc vui lễ lạc và chương trình hành động. Ngành Văn Hóa sắc tộc. Bạn có thể tìm số điện thoại và địa chỉ của cơ quan Văn Hóa Alberta trong niên giám các trang màu trắng. Xem dưới vần G cho Chính Phủ Alberta. Tìm vần C cho Văn Hóa.

Các Trung Tâm Hữu Nghị Địa Phương (Native Friendship Centres). Những người dân địa phương Alberta điều hành những trung tâm này. Họ giúp đỡ người dân địa phương Alberta và người mới nhập cư vừa mới đến thành phố. Họ cũng có những chương trình đặc biệt và các cuộc vui lễ lạc. Muốn tìm trung tâm hữu nghị địa phương nơi đô thị hay thị trấn của bạn, hãy xem trong niên giám điện thoại phần các trang màu trắng. Tìm vần N cho chữ Native.

Other Guides

其他指引手冊

This book is the first in a series. There are other books that can help you. The books are...

- *A Newcomer's Guide to Health Care in Alberta.* This book tells you how to get a health care insurance card and how to find a doctor.
- *A Newcomer's Guide to Housing in Alberta.* This book tells you how to find a place to live.
- *A Newcomer's Guide to Public Transportation in Alberta.* This book gives information about city buses and about travelling between cities.
- *A Newcomer's Guide to Driving in Alberta.* This book tells you how to get a driver's licence and buy a car.
- *A Newcomer's Guide to Working in Alberta.* This book tells you how to get a Social Insurance Number and how to look for a job.
- *A Newcomer's Guide to Learning in Alberta.* This book tells you how to register your children in school and about learning opportunities for children and adults in Alberta.
- *A Newcomer's Guide to Using Money in Alberta.* This book tells you about Canadian money, how to get a bank account and use cheques. It also gives information about buying things in Alberta. For example, it tells about buying food, clothing and alcohol.

這本小冊子是幫助剛到亞伯達省的移民。這套叢書叫做「歡迎來到亞伯達省」。其他的小冊子是：

- 醫療衛生指南
- 住房供給指南
- 公共交通指南
- 駕駛指南
- 就業指南
- 就學指南
- 用錢指南

Inne poradniki

Książka ta jest pierwszą z serii zatytułowanej "Poradnik dla nowoprzybyłych". Inne książki z tej serii, które mogą być pomocne to:

- *Poradnik dla nowoprzybyłych Opieka zdrowotna w Albercie.* Książka ta mówi, jak otrzymać kartę ubezpieczenia zdrowotnego oraz jak uzyskać poradę lekarską.
- *Poradnik dla nowoprzybyłych Mieszkania w Albercie.* Książka ta omawia problemy związane z szukaniem mieszkania.
- *Poradnik dla nowoprzybyłych Transport publiczny w Albercie.* Książka ta podaje informacje o publicznej komunikacji miejskiej i międzymiastowej.
- *Poradnik dla nowoprzybyłych Prowadzenie pojazdów.* Książka ta mówi, jak otrzymać prawo jazdy i jak kupować samochód.
- *Poradnik dla nowoprzybyłych Praca w Albercie.* Książka ta mówi, jak otrzymać Social Insurance Number oraz jak szukać pracy.
- *Poradnik dla nowoprzybyłych Nauka w Albercie.* Ta książka mówi o rejestracji dzieci do szkoły i o możliwościach kształcenia dzieci i dorosłych w Albercie.
- *Poradnik dla nowoprzybyłych Gospodarowanie pieniędzmi.* Książka ta mówi o walucie kanadyjskiej, o rachunkach bankowych i o czekach. Podaje również informacje o robieniu zakupów w Albercie. Na przykład mówi o kupowaniu żywności, odzieży i alkoholu.

Otras Guías

Este es el primer libro de una serie. Hay otros libros que pueden ayudarlo. Son:

- *Gula para recién llegados: Servicios Médicos en Alberta.* Este libro le explica cómo obtener una tarjeta de seguro de salud y cómo encontrar un médico.
- *Gula para recién llegados: Alojamiento en Alberta.* Este libro le explica cómo encontrar un lugar para vivir.
- *Gula para recién llegados: Transporte Público en Alberta.* Este libro contiene información sobre los ómnibuses urbanos y el transporte entre ciudades.
- *Gula para recién llegados: El automóvil en Alberta.* Este libro le explica cómo obtener una licencia para manejar y cómo comprar un automóvil.
- *Gula para recién llegados: Trabajar en Alberta.* Este libro le explica cómo obtener un Número de Seguridad Social y cómo buscar trabajo.
- *Gula para recién llegados: Aprender en Alberta.* Este libro le explica cómo inscribir a sus niños en las escuela y cuáles son las oportunidades que niños y adultos tienen para aprender en Alberta.
- *Gula para recién llegados: El uso del dinero en Alberta.* Este libro le explica lo relacionado con el dinero canadiense, cómo abrir una cuenta de banco y usar cheques. También contiene información sobre compras en Alberta. Por ejemplo, explica cómo comprar alimentos, ropa y alcohol.

Các Phân Hướng Dẫn Khác

Cuốn sách này cuốn đầu tiên trong loạt sách. Có những cuốn khác có thể giúp bạn. Những cuốn đó là . . .

- *Sách hướng dẫn cho người mới nhập cư về vấn đề Y Tế tại Alberta.* Cuốn này cho bạn biết làm thế nào để có được thẻ bảo hiểm y tế và làm sao tìm một bác sĩ.
- *Sách hướng dẫn cho người mới nhập cư về vấn đề nhà cửa tại Alberta.* Cuốn sách này cho bạn biết làm sao tìm chỗ ở.
- *Sách hướng dẫn cho người mới nhập cư về phương tiện di chuyển công cộng tại Alberta.* Cuốn này chỉ dẫn về xe buýt thành phố và về việc di chuyển giữa các thành phố.
- *Sách hướng dẫn cho người mới nhập cư về lái xe tại Alberta.* Cuốn này cho bạn biết làm sao lấy bằng lái xe và mua xe.
- *Sách hướng dẫn cho người mới nhập cư về việc công tác tại Alberta.* Cuốn này cho bạn biết làm thế nào xin được số bảo hiểm xã hội và công việc.
- *Sách hướng dẫn cho người mới nhập cư về việc Học hành tại Alberta.* Cuốn này cho bạn biết làm thế nào ghi danh cho con cái bạn vào trường học và về các cơ hội học hạnh cho trẻ con và người lớn tại Alberta.
- *Sách hướng dẫn cho người mới nhập cư về việc sử dụng tiền tại Alberta.* Cuốn này cho bạn biết về tiền tệ Gia Nã Đại, làm sao có được trường mục ngân hàng và sử dụng chi phiếu. Sách cũng chỉ dẫn mua sắm đồ dùng tại Alberta. Ví dụ, sách chỉ dẫn về cách thức mua thức ăn, áo quần và rượu.

Other Guides

- *A Newcomer's Guide to Rights and Duties in Alberta.* This book tells about Canada's and Alberta's government, about becoming a citizen and about laws.
- *A Newcomer's Guide to Community Services in Alberta.* This book talks about community services that may help you. For example, it gives information about day-care centres and services for older people.

The Newcomer's Guides are free. You can get them at...

- Immigrant aid organizations (see page 44)
- Ethno-cultural organizations (see page 41)
- Native Friendship Centres (see page 41)
- Canada Employment Centres (see page 39)
- Canada Immigration Centres (see page 40)
- Government of Canada Citizenship Courts in Edmonton and Calgary. Look in the *white pages* of the telephone book. Find C for Citizenship.
- Alberta Manpower, Settlement Services. Look in the *white pages* of the telephone book. Find G for Government of Alberta. Find M for Manpower, then find Settlement Services.

- 權利與義務指南
- 社會服務機構指南

小冊子都是免費贈閱，您可在下列各處索取：

- * 移民援助組織 (見第44頁)
- * 亞省政府勞動部，定居服務處 (見第41頁)
- * 民族文化組織 (見第41頁)
- * 加拿大移民中心 (見第39頁)
- * 加拿大就業中心 (見第40頁)
- * 加拿大政府公民法院
- * 亞省政府勞動部，

Inne poradniki

- *Poradnik dla nowoprzybytych Prawa i obowiązki w Albercie.* Książka ta mówi o rządach Kanady i Alberta, o obowiązujących prawach oraz o zasadach nadawania obywatelstwa.
- *Poradnik dla nowoprzybytych Usługi socjalne.* Książka ta mówi o służbach socjalnych, które mogą służyć pomocą. Na przykład podane są w niej informacje o ośrodkach opieki nad dziećmi i o świadczeniach dla ludzi starszych.

Książki serii "Poradnik dla nowoprzybytych" można otrzymać bezpłatnie w biurach:

- organizacji pomocy emigrantom (patrz strona 44)
- organizacji etniczno - kulturalnych (patrz strona 41)
- Centrów Rodzimej Przyjaźni (patrz strona 41)
- Canada Employment Centre (Centrach Zatrudnienia) (patrz strona 39)
- Canada Immigration Centre (patrz strona 40)
- Sądów Nadających Obywatelstwo, znajdujących się w Edmonton i Calgary. Szukaj w książce telefonicznej *white pages* pod literą C: Citizenship.
- Alberta Manpower, Settlement Services (Służbach Osiedleńczych). Szukaj w książce telefonicznej *white pages* pod literą G: Government of Alberta. Znajdź M: Manpower, potem Settlement Services.

Otras Guías

- *Guía para recién llegados: Derechos y obligaciones en Alberta.* Este libro le explica cómo es el Gobierno de Canadá y el de Alberta, cómo hacerse ciudadano canadiense y cuáles son las leyes.
- *Guía para recién llegados: Servicios de la Comunidad en Alberta.* Este libro habla de los servicios comunitarios que pueden darle ayuda. Por ejemplo, da información sobre guarderías para niños y los servicios para gente de edad avanzada.

Las Guías para recién llegados son gratuitas. Usted puede obtenerlas en:

- Las organizaciones de ayuda al inmigrante (ver página 44)
- Las organizaciones étnico-culturales (ver página 41)
- Los Centros Indigenistas (ver página 41)
- Los Centros de Empleo de Canadá (ver página 39)
- Los Centros de Inmigración de Canadá (ver página 40)
- Los Tribunales de Ciudadanía del Gobierno de Canadá (Citizenship Courts) en Edmonton y Calgary. Mire en las *páginas blancas* de la guía de teléfonos. Busque Citizenship en la C.
- En las oficinas de Trabajo de Alberta (Alberta Manpower). Mire en las *páginas blancas* de la guía de teléfonos. Busque Government of Alberta en la G. Busque Manpower en la M. Busque allí Settlement Services.

Các Phần Hướng Dẫn Khác

- *Sách hướng dẫn cho người mới nhập cư về quyền lợi và bổn phận tại Alberta.* Cuốn này nói về Chính Quyền Gia Nã Đại và Alberta, về việc trở thành công dân và về luật pháp.
- *Sách hướng dẫn cho người mới nhập cư về các dịch vụ cộng đồng tại Alberta.* Cuốn này nói về các dịch vụ cộng đồng có thể giúp đỡ bạn. Ví dụ, sách chỉ dẫn về các nơi gửi trẻ và dịch vụ cho người già.

Sách cho người mới nhập cư được miễn phí. Bạn có thể lấy tại . . .

- Các tổ chức giúp dân di trú (xem trang 44)
- Các tổ chức Văn Hóa Sắc Tộc (xem trang 41)
- Các Trung tâm Hữu Nghị Địa phương (xem trang 41)
- Các Sở Nhân Dụng Gia Nã Đại (xem trang 39)
- Các Sở Di Trú (xem trang 40)
- Tòa Án công dân quyền thuộc Chính Phủ Gia Nã Đại ở Edmonton và Calgary. Xem niên giám điện thoại nơi các trang màu trắng. Tìm vần C cho chữ Citizenship (Quyền công dân).
- Nhân Lực Alberta cơ quan trông coi về vấn đề Định cư của người di trú. Xem niên giám điện thoại nơi các trang màu trắng. Tìm vần G cho chữ Government of Alberta (Chính quyền Alberta). Tìm vần M cho chữ Manpower (Nhân Lực), rồi tìm chữ Settlement Services.

Immigrant Aid Organizations

移民援助組織

These addresses and telephone numbers were correct in 1984. They may have changed. Look in the telephone book for the new addresses and telephone numbers.

Calgary

Arusha Cross-Cultural Centre
233 - 10 Street NW
Calgary, Alberta
T2N 1V5
Telephone 270-3200

Calgary Catholic Immigration Society
Catholic Pastoral Centre
1916 - 2 Street SW
Calgary, Alberta
T2S 1S3
Telephone 245-8800

Calgary Immigrant Aid Society
223 - 12 Avenue SW
Calgary, Alberta
T2R 0G9
Telephone 265-1120

Calgary Immigrant Women's Centre
200A, 223 - 12 Avenue SW
Calgary, Alberta
T2R 0G9
Telephone 266-0822

Jewish Family Service
Rm. 200, 4014 Macleod Trail South
Calgary, Alberta
T2G 2R7
Telephone 287-3510

下列都是1984年的地址和電話號碼，有的可能已經變了。請查看新電話簿。

卡爾加里 (Calgary)

阿露夏文化交流中心
(Arusha Cross-Cultural Centre)
233- 10 Street NW
Calgary, Alberta
T2N 1V5
Telephone 270-3200

天主教移民服務社
(Calgary Catholic Immigration Society)
Catholic Pastoral Centre
1916 - 2 Street SW
Calgary, Alberta
T2S 1S3
Telephone 245-8800

卡爾加里移民援助社
(Calgary Immigrant Aid Society)
223 - 12 Avenue SW
Calgary, Alberta
T2R 0G9
Telephone 265-1120

卡爾加里移民婦女中心
(Calgary Immigrant Women's Centre)
200A, 223 - 12 Avenue SW
Calgary, Alberta
T2R 0G9
Telephone 266-0822

猶太家庭服務社
(Jewish Family Service)
Rm. 200, 4014 Macleod Trail South
Calgary, Alberta
T2G 2R7
Telephone 287-3510

Organizacje pomocy emigrantom

Organizaciones de Ayuda al Inmigrante

Những tổ chức giúp đỡ dân di trú

Adresy i numery telefonów podane poniżej były aktualne w roku 1984. Mogły one ulec zmianom. Sprawdź w książce telefonicznej, czy są one nadal aktualne.

Calgary

Arusha Cross-Cultural Centre
(Centrum Międzykulturowe "Arusha")
233 - 10 Street NW
Calgary, Alberta
T2N 1V5
Telefon 270-3200

Calgary Catholic Immigration Society
(Katolickie Stowarzyszenie Emigracyjne)
Catholic Pastoral Centre
1916 - 2 Street SW
Calgary, Alberta
T2S 1S3
Telefon 245-8800

Calgary Immigrant Aid Society
(Stowarzyszenie Pomocy Emigrantom w Calgary)
223 - 12 Avenue SW
Calgary, Alberta
T2R 0G9
Telefon 265-1120

Calgary Immigrant Women's Centre
(Centrum Kobiet — Emigrantek w Calgary)
200 A, 223 - 12 Avenue SW
Calgary, Alberta
T2R 0G9
Telefon 266-0822

Jewish Family Service
(Żydowskie Służby Rodzinne)
Rm. 200, 4014 Macleod Trail South
Calgary, Alberta
T2G 2R7
Telefon 287-3510

Estas direcciones y números de teléfonos eran correctos en 1984. Pueden haber cambiado. Busque en la guía de teléfonos las nuevas direcciones y números telefónicos.

Calgary

Arusha Cross-Cultural Centre
(Centro Multicultural)
233 - 10 Street NW
Calgary, Alberta
T2N 1V5
Teléfono 270-3200

Calgary Catholic Immigration Society
(Sociedad de Inmigrantes Católicos)
Catholic Pastoral Centre
1916 - 2 Street SW
Calgary, Alberta
T2S 1S3
Teléfono 245-8800

Calgary Immigrant Aid Society
(Sociedad de Ayuda al Inmigrante)
223 - 12 Avenue SW
Calgary, Alberta
T2R 0G9
Teléfono 265-1120

Calgary Immigrant Women's Centre
(Centro de Mujeres Inmigrantes)
200A, 223 - 12 Avenue SW
Calgary, Alberta
T2R 0G9
Teléfono 266-0822

Jewish Family Service
(Servicio para la Familia Judía)
Rm. 200, 4014 Macleod Trail South
Calgary, Alberta
T2G 2R7
Teléfono 287-3510

Những địa chỉ và số điện thoại sau đây là hoàn toàn đúng trong năm 1984. Nó có thể thay đổi sau này. Tìm trong cuốn điện thoại niên giám để có địa chỉ và số điện thoại mới nếu có thay đổi.

Calgary

Arusha Cross - Cultural Centre
(Trung Tâm Liên Hiệp Văn Hóa Arusha)
233 - 10 Street NW
Calgary, Alberta
Điện thoại 270-3200

Calgary Catholic Immigration Society
(Hội Công Giáo Giúp đỡ Dân di trú Calgary)
Catholic Pastoral Centre (Trung Tâm Công giáo)
1916 - 2 Street W
Calgary, Alberta
T2S 1S3
Điện thoại 245-8800

Calgary Immigrant Aid Society
(Hội Giúp Đỡ Dân Di trú Calgary)
223 - 12 Avenue SW
Calgary, Alberta
T2R 0G9
Điện thoại 265-1120

Calgary Immigrant Women's Centre
(Trung Tâm dành cho Phụ Nữ Di Trú Calgary)
200A, 223 - 12 Avenue SW
Calgary, Alberta
T2R 0G9
Điện thoại 266-0822

Jewish Family Service
(Văn phòng Cố vấn về Gia Đình của người Do Thái)
Phong 200, 4014 McLeod Trail South
Calgary, Alberta
T2G 2R7
Điện thoại 287-3510

Immigrant Aid Organizations

移民援助組織

La Société Franco-Canadienne de Calgary
Room 101, 1809 - 5 Street SW
Calgary, Alberta
T2S 2A8
Telephone 262-7074

卡爾加里法-加社會
(La Societe Franco-Canadienne de Calgary)
Room 101, 1809 - 5 Street SW
Calgary, Alberta
T2S 2A8
Telephone 262-7074

YWCA
320 - 5 Avenue SE
Calgary, Alberta
T2G 0E5
Telephone 263-1550

基督教女青年會
(YWCA)
320 - 5 Avenue SE
Calgary, Alberta
T2G 0E5
Telephone 263-1550

Camrose

Catholic Social Services/Immigration Services
#2, 4908 - 50 Street
Camrose, Alberta
T4V 1R1
Telephone 672-1304

勸社羅斯 (Camrose)
天主教社會移民服務社
(Catholic Social Services/Immigration Services)
#2, 4908 - 50 Street
Camrose, Alberta
T4V 1R1
Telephone 672-1304

Edmonton

Catholic Social Services/Immigration Services
10420 - 107 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0W1
Telephone 424-3545

埃德蒙頓 (Edmonton)
天主教社會移民服務社
(Catholic Social Services/Immigration Services)
10420 - 107 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0W1
Telephone 424-3545

Changing Together
(a Centre for Immigrant Women)
Alex Taylor School
9321 Jasper Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 3T7
Telephone 421-0175

齊改 (婦女移民中心) 亞歷克斯泰勒學校
(Changing Together - a Centre for Immigrant Women)
Alex Taylor School
9321 Jasper Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 3T7
Telephone 421-0175

Organizacje pomocy emigrantom

Organizaciones de Ayuda al Inmigrante

Những tổ chức giúp đỡ dân di trú

La Société Franco-Canadienne de Calgary
(Towarzystwo Kanadyjczyków Francuskiego
Pochodzenia w Calgary)
Room 101, 1809 - 5 Street SW
Calgary, Alberta
T2S 2A8
Telefon 262-7074

YWCA
(Chrześcijańskie Stowarzyszenie Młodych
Kobiet)
320 - 5 Avenue SE
Calgary, Alberta
T2G 0E5
Telefon 263-1550

Camrose

Catholic Social Services/Immigration Services
(Katolickie Służby Socjalne/Służby Emigracyjne)
No. 2, 4908 - 50 Street
Camrose, Alberta
T4V 1R1
Telefon 672-1304

Edmonton

Catholic Social Services/Immigration Services
(Katolickie Służby Socjalne/Służby Emigracyjne)
10420 - 107 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0W1
Telefon 424-3545

Changing Together
(A Centre for Immigrant Women)
(Centrum Kobiet — Emigrantek "Changing
Together")
Alex Taylor School
9321 Jasper Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 3T7
Telefon 421-0175

La Société Franco-Canadienne de Calgary
(Sociedad Franco-canadiense)
Room 101, 1809 - 5 Street SW
Calgary, Alberta
T2S 2A8
Teléfono 262-7074

YWCA
(Asociación Cristiana de Jóvenes)
320 - 5 Avenue SE
Calgary, Alberta
T2G 0E5
Teléfono 263-1550

Camrose

Catholic Social Services/Immigration Services
(Servicios Católicos/Servicios de Inmigración)
2, 4908 - 50 Street
Camrose, Alberta
T4V 1R1
Teléfono 672-1304

Edmonton

Catholic Social Services/Immigration Services
(Servicios Católicos/Servicios de Inmigración)
10420 - 107 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0W1
Teléfono 424-3545

Changing Together
(Un Centro Para Mujeres Inmigrantes)
Alex Taylor School
9321 Jasper Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 3T7
Teléfono 421-0175

La Société Franco-Canadienne de Calgary
(Hội Người Canada Gốc Pháp Calgary)
Room 101, 1809 - 5 Street SW
Calgary, Alberta
W5S 2A8
Điện thoại 262-7074

YWCA (Hội Thanh Nữ Cơ Đốc Giáo)
320 - 5 Avenue SE
Calgary, Alberta
T2G 0E5
Điện thoại 263-1550

Camrose

Catholic Social Services/Immigration Services
(Sở Công Giáo Phục Vụ Xã Hội/Ngành Phục Vụ
Người Di Trú)
#2, 4908 - 50 Street
Camrose, Alberta
T4V 1R1
Điện thoại 672-1304

Edmonton

Catholic Social Services/Immigration Services
(Sở Công Giáo Phục Vụ Xã Hội/Ngành Phục Vụ
Người Di Trú)
10420 - 107 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0W1
Điện thoại 424-3545

Changing Together (a Centre for Immigrant Women)
Cùng nhau thay đổi
(Một trung tâm dành cho Phụ nữ Di trú)
Alex Taylor School
9321 Jasper Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 3T7
Điện thoại 421-1075

Immigrant Aid Organizations

移民援助組織

Chinese Community Service Centre
9540 - 102 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0E3
Telephone 429-3111

華人社區服務中心
(Chinese Community Service Centre)
9540 - 102 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0E3
Telephone 429-3111

Christian Immigration Society
10704 - 107 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0W8
Telephone 426-7165

基督教移民會社
(Christian Immigration Society)
10704 - 107 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0W8
Telephone 426-7165

Edmonton Immigrant Services Association
MacKay Avenue School
10425 - 99 Avenue
Edmonton, Alberta
T5K 0E5
Telephone 420-6880

埃德蒙頓移民服務協會
(Edmonton Immigrant Services Association)
MacKay Avenue School
10425 - 99 Avenue
Edmonton, Alberta
T5K 0E5
Telephone 420-6880

Edmonton Multicultural Society
The McLeod Building, Suite 414
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0N8
Telephone 420-6866

埃德蒙頓多元文化社
(Edmonton Multicultural Society)
The McLeod Building, Suite 414
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0N8
Telephone 420-6866

Edmonton Viets Association
10905 - 106 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0R2
Telephone 426-1090

埃德蒙頓越民協會
(Edmonton Viets Association)
10905 - 106 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0R2
Telephone 426-1090

East Indian Counselling Services
5314 - 89 Street
Edmonton, Alberta
T6E 5P9
Telephone 468-7170

東印度顧問服務中心
(East Indian Counselling Services)
5314 - 89 Street
Edmonton, Alberta
T6E 5P9
Telephone 468-7170

Organizacje pomocy emigrantom

Organizaciones de Ayuda al Inmigrante

Những tổ chức giúp đỡ dân di trú

Chinese Community Service Centre
(Centrum Służb Społeczności Chińskiej)
9540 - 102 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0E3
Telefon 429-3111

Christian Immigration Society
(Chrześcijańskie Towarzystwo Emigracyjne)
10704 - 107 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0W8
Telefon 426-7165

Edmonton Immigrant Services Association
(Stowarzyszenie Służb Emigracyjnych w Edmonton)
MacKay Avenue School
10425 - 99 Avenue
Edmonton, Alberta
T5K 0E5
Telefon 420-6880

Edmonton Multicultural Society
(Towarzystwo Wielokulturowe w Edmonton)
The McLeod Building, Suite 414
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0N8
Telefon 420-6866

Edmonton Viets Association
(Stowarzyszenie Wietnamskie w Edmonton)
10905 - 106 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0R2
Telefon 426-1090

East Indian Counselling Services
(Służby Doradcze dla Hindusów)
5314 - 89 Street
Edmonton, Alberta
T6E 5P9
Telefon 468-7170

Chinese Community Service Centre
(Centro Chino)
9540 - 102 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0E3
Teléfono 429-3111

Christian Immigration Society
(Sociedad Cristiana)
10704 - 107 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0W8
Teléfono 426-7165

Edmonton Immigrant Services Association
(Servicios para el Inmigrante)
MacKay Avenue School
10425 - 99 Avenue
Edmonton, Alberta
T5K 0E5
Teléfono 420-6880

Edmonton Multicultural Society
(Sociedad Multicultural de Edmonton)
The McLeod Building, Suite 414
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0N8
Teléfono 420-6866

Edmonton Viets Association
(Asociación Vietnamita)
10905 - 106 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0R2
Teléfono 426-1090

East Indian Counselling Services
(Servicio de asesoramiento hindú)
5314 - 89 Street
Edmonton, Alberta
T6E 5P9
Teléfono 468-7170

Chinese Community Service Centre
(Trung Tâm Phục Vụ Cộng-Đồng của người Hoa Kiều)
9540 - 102 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0E3
Điện thoại 429-3111

Christian Immigration Society
(Hội Tin lành Giúp Đỡ Dân Di Trú)
10704 - 107 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0W8
Điện thoại 426-7165

Edmonton Immigrant Services Association
(Hội Giúp Đỡ Dân Di Trú Edmonton)
MacKay Avenue School
10425 - 99 Avenue
Edmonton, Alberta
T5K 0E5
Điện thoại 420-6880

Edmonton Multicultural Society
(Hội Đa Văn Hóa Edmonton)
The McLeod Building, Suite 414
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0N8
Điện thoại 420-6866

Edmonton Viets Association
(Hội Việt Kiều Edmonton)
10905 - 106 Avenue
Edmonton, Alberta
T5H 0R2
Điện thoại 426-1090

East Indian Counselling Services
(Văn phòng Cố Vấn của Người Ấn Độ)
5314 - 89 Street
Edmonton, Alberta
T6E 5P9
Điện thoại 468-7170

Immigrant Aid Organizations

移民援助組織

Jewish Family Services
606 McLeod Building
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0P1
Telephone 424-6346 or 424-9554

猶太家庭服務社
(Jewish Family Services)
606 McLeod Building
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0P1
Telephone 424-6346 or 424-9554

Mennonite Centre for Newcomers
Room 311, 10766 - 97 Street
Edmonton, Alberta
T5H 2M1
Telephone 424-7714 or 424-7709

門諾奈移民中心
(Mennonite Centre for Newcomers)
Room 311, 10766 - 97 Street
Edmonton, Alberta
T5H 2M1
Telephone 424-7714 or 424-7709

Order of St. Barnabas
Suite 400, McLeod Building
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0P1
Telephone 428-7094

聖巴拿巴團體
(Order of St. Barnabas)
Suite 400, McLeod Building
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0P1
Telephone 428-7094

Ukrainian Canadian Social Services
#204, 10852 - 97 Street
Edmonton, Alberta
T5H 2M5
Telephone 424-5218

烏克蘭人拿大社區服務中心
(Ukrainian Canadian Social Services)
#204, 10852 - 97 Street
Edmonton, Alberta
T5H 2M5
Telephone 424-5218

Lethbridge

Lethbridge Immigrant Settlement Association
506 - 4 Avenue, South
Lethbridge, Alberta
T1J 0N3
Telephone 327-5333

累斯布里季 (Lethbridge)
累斯布里季 移民定居協會
(Lethbridge Immigrant Settlement Association)
506 - 4 Avenue, South
Lethbridge, Alberta
T1J 0N3
Telephone 327-5333

Organizacje pomocy emigrantom

Jewish Family Services
(Żydowskie Służby Rodzinne)
606 McLeod Building
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0P1
Telefon 424-6346, 424-9554

Mennonite Centre for Newcomers
(Centrum Mennonitów dla Nowoprzybyłych)
Room 311, 10766 - 97 Street
Edmonton, Alberta
T5H 2M1
Telefon 424-7714, 424-7709

Order of St. Barnabas
(Reguła Św. Barnaby)
Suite 400, McLeod Building
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0P1
Telefon 428-7094

Ukrainian Canadian Social Services
(Ukraińsko — Kanadyjskie Służby Socjalne)
No. 204, 10852 - 97 Street
Edmonton, Alberta
T5H 2M5
Telefon 424-5218

Lethbridge

Lethbridge Immigrant Settlement Association
(Stowarzyszenie Osiedleńcze Emigrantów w Lethbridge)
506 - 4 Avenue, South
Lethbridge, Alberta
T1J 0N3
Telefon 327-5333

Organizaciones de Ayuda al Inmigrante

Jewish Family Services
(Servicios para la Familia Judía)
606 McLeod Building
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0P1
Teléfono 424-6346 o 424-9554

Mennonite Centre for Newcomers
(Centro Menonita)
Room 311, 10766 - 97 Street
Edmonton, Alberta
T5H 2M1
Teléfono 424-7714 o 424-7709

Order of St. Barnabas
(Orden de San Bernabé)
Suite 400, McLeod Building
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5H 2M4
Teléfono 428-7094

Ukrainian Canadian Social Services
(Servicios ucranianos)
204, 10852 - 97 Street
Edmonton, Alberta
T5H 2M5
Teléfono 424-5218

Lethbridge

Lethbridge Immigrant Settlement Association
(Servicios para inmigrantes)
506 - 4 Avenue, South
Lethbridge, Alberta
T1J 0N3
Teléfono 327-5333

Những tổ chức giúp đỡ dân di trú

Jewish Family Services
(Văn phòng Cố Vấn Gia Đình của Người Do Thái)
606 McLeod Building
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0P1
Điện thoại 424-6346 hay 424-9554

Mennonite Centre for Newcomers
(Trung Tâm Mennonite dành cho Người Mới Tới)
Room 311, 10766 - 97 Street
Edmonton, Alberta
T5H 2M1
Điện thoại 424-7714 hay 424-7709

Order of St. Barnabas
(Mệnh Lệnh của Thành Barnabas)
Suite 400, McLeod Building
10136 - 100 Street
Edmonton, Alberta
T5J 0P1
Điện thoại 428-7094

Ukrainian Canadian Social Services
(Hội phục vụ Xã Hội Ukraina - Canada)
#204, 10852 - 97 Street
Edmonton, Alberta
T5H 2M5
Điện thoại 424-5218

Lethbridge

Lethbridge Immigrant Settlement Association
(Hội Giúp Đỡ Dân Di Trú Lethbridge)
506 - 4 Avenue, South
Lethbridge, Alberta
T1J 0N3
Điện thoại 327-5333

Immigrant Aid Organizations

移民援助組織

Medicine Hat

Medicine Hat Society for Immigrant Settlement
#206, 1741 Dunmore Rd., S.E.
Medicine Hat, Alberta
T1A 1Z8
Telephone 529-9450

麥蒂生·哈 (梅迪辛哈特) (Medicine Hat)

麥蒂生·哈移民定居社
(Medicine Hat Society for Immigrant Settlement)
#206, 1741 Dunmore Rd., S.E.
Medicine Hat, Alberta
T1A 1Z8
Telephone 529-9450

Red Deer

Catholic Social Services/Immigration Services
#207, 4912 Ross Street
Red Deer, Alberta
T4N 1X7
Telephone 346-7055

紅鹿 (雷德迪爾) (Red Deer)

天主教移民服務社
(Catholic Social Services/Immigration Services)
#207, 4912 Ross Street
Red Deer, Alberta
T4N 1X7
Telephone 346-7055

Central Alberta Refugee Effort Committee
#207, 4912 Ross Street
Red Deer, Alberta
T4N 1X7
Telephone 346-8818 or 346-8819

中部艾柏塔難民委員會
(Central Alberta Refugee Effort Committee)
#207, 4912 Ross Street
Red Deer, Alberta
Telephone 346-8818 or 346-8819

Organizacje pomocy emigrantom

Organizaciones de Ayuda al Inmigrante

Những tổ chức giúp đỡ dân di trú

Medicine Hat

Medicine Hat Society for Immigrant Settlement
(Towarzystwo Osiedleńcze Emigrantów
w Medicine Hat)
#206, 1741 Dunmore Rd., S.E.
Medicine Hat, Alberta
T1A 1Z8
Telefon 529-9450

Red Deer

Catholic Social Services/Immigration Services
(Katolickie Służby Socjalne/Służby Emigracyjne)
No. 207, 4912 Ross Street
Red Deer, Alberta
T4N 1X7
Telefon 346-7055

Central Alberta Refugee Effort Committee
(Komitet do Spraw Pomocy Uchodźcom
w Centralnej Albercie)
No. 207, 4912 Ross Street
Red Deer, Alberta
T4N 1X7
Telefon 346-8818, 346-8819

Medicine Hat

Medicine Hat Society for Immigrant Settlement
(Sociedad para inmigrantes)
#206, 1741 Dunmore Rd., S.E.
Medicine Hat, Alberta
T1A 1Z8
Teléfono 529-9450

Red Deer

Catholic Social Services/Immigration Services
(Servicios Católicos/Servicios de inmigración)
207, 4912 Ross Street
Red Deer, Alberta
T4N 1X7
Teléfono 346-7055

Central Alberta Refugee Effort Committee
(Comité para refugiados)
207, 4912 Ross Street
Red Deer, Alberta
T4N 1X7
Teléfono 346-8818 o 346-8819

Medicine Hat

Medicine Hat Society for Immigrant Settlement
(Hội Giúp Đỡ người Di Trú Medicine Hat)
#206, 1741 Dunmore Rd., S.E.
Medicine Hat, Alberta
T1A 1Z8
Điện thoại 529-9450

Red Deer

Catholic Social Service/Immigration Services
(Sở Công Giáo Phục Vụ Xã Hội/Ngành phục vụ
người di trú)
#207, 4912 Ross Street
Red Deer, Alberta
T4N 1X7
Điện thoại 346-7055

Centre Alberta Refugee Effort Committee
(Hội Giúp Đỡ Người Tỵ Nạn Vùng Trung Tâm Alberta)
#207, 4912 Ross Street
Red Deer, Alberta
T4N 1X7
Điện thoại 346-8818 hay 346-8819

Alberta
MANPOWER